

Hướng dẫn sử dụng

Dell UltraSharp U2515H/U2515HX

Số mẫu: U2515H/U2515HX

Mẫu pháp quy: U2515Hc



Lưu ý, thận trọng và cảnh báo



LƯU Ý: LƯU Ý cho biết thông tin quan trọng giúp bạn sử dụng máy tính tốt hơn.



THẬN TRỌNG: THẬN TRỌNG cho biết khả năng bị hỏng phần cứng hoặc mất dữ liệu nếu không làm theo hướng dẫn.



CẢNH BÁO: CẢNH BÁO cho biết khả năng bị hỏng tài sản, bị thương hoặc tử vong.

Thông tin trong tài liệu này có thể thay đổi mà không thông báo.

© 2014–2016 Dell Inc. Bảo lưu mọi quyền.

Cấm sao chép các tài liệu này dưới mọi hình thức mà không có sự cho phép bằng văn bản của Dell Inc.

Các thương hiệu được sử dụng trong tài liệu này: *Dell* và logo *DELL* là thương hiệu của Dell Inc.; *Microsoft* và *Windows* là thương hiệu hoặc thương hiệu đã đăng ký của Microsoft Corporation tại Hoa Kỳ và/hoặc các nước khác; *Intel* là thương hiệu đã đăng ký của Intel Corporation tại Hoa Kỳ và/hoặc các nước khác; và *ATI* là thương hiệu của Advanced Micro Devices, Inc. ENERGY STAR ENERGY STAR là thương hiệu đã đăng ký của Cơ quan Bảo vệ Môi sinh Hoa Kỳ. Là đối tác của ENERGY STAR, Dell Inc. đã khẳng định rằng sản phẩm này đáp ứng các hướng dẫn của ENERGY STAR về hiệu quả năng lượng.

Các thương hiệu và tên thương mại khác có thể được sử dụng trong tài liệu này để chỉ đến các thực thể tuyên bố quyền sở hữu thương hiệu và tên đó hoặc chỉ đến sản phẩm của họ. Dell Inc. từ bỏ mọi quyền lợi chủ sở hữu đối với các thương hiệu và tên thương mại không phải của mình.

Nội dung

1	Thông tin về màn hình của bạn.....	5
	Nội dung gói hàng.....	5
	Tính năng sản phẩm.....	6
	Nhận diện các bộ phận và phần điều khiển.....	7
	Thông số kỹ thuật màn hình.....	10
	Chức năng Cắm và Chạy.....	19
	Giao diện USB (Universal Serial Bus).....	20
	Chất lượng màn hình LCD và Chính sách điểm ảnh.....	21
	Hướng dẫn bảo trì.....	22
2	Lắp đặt màn hình.....	23
	Gắn giá đỡ.....	23
	Kết nối màn hình.....	23
	Sắp xếp dây cáp.....	29
	Gắn nắp che cáp.....	30
	Gỡ giá đỡ màn hình.....	30
	Gỡ nắp che cáp.....	31
	Treo tường (tuỳ chọn).....	31
3	Vận hành màn hình.....	32
	Bật nguồn màn hình.....	32
	Sử dụng Bộ điều khiển bản trước.....	32
	Sử dụng menu Hiển thị trên màn hình (OSD).....	34
	Thiết đặt độ phân giải tối đa.....	48
	Sử dụng chức năng Nghiêng, Quay, Mở rộng theo chiều dọc, Xoay và Thiết lập màn hình đôi.....	48
4	Khắc phục sự cố.....	54
	Tự kiểm tra.....	54
	Chẩn đoán tích hợp sẵn.....	55
	Các vấn đề thông thường.....	56
	Các vấn đề cụ thể của sản phẩm.....	59
	Các vấn đề cụ thể về USB (Universal Serial Bus).....	60
	Các vấn đề cụ thể về Liên kết độ nét cao di động (MHL).....	60


5	Phụ lục.....	61
	Thông báo FCC (Chỉ ở Hoa Kỳ) và Thông tin pháp quy khác.....	61
	Liên hệ Dell	61
	Thiết lập màn hình của bạn.....	62


1





Thông tin về màn hình của bạn





Nội dung gói hàng

Màn hình của bạn được giao cùng với những thành phần như minh họa bên dưới. Đảm bảo rằng bạn đã nhận đủ các thành phần và [Liên hệ Dell](#) nếu thiếu một thứ gì đó.

 **LƯU Ý:** Một số món có thể ở dạng tùy chọn và không được giao tới cùng màn hình. Một số tính năng hay đa phương tiện có thể không có ở những quốc gia nhất định.

 **LƯU Ý:** Để lắp đặt với bất kì giá đỡ nào khác, vui lòng tham khảo hướng dẫn lắp đặt của giá đỡ đó để biết các chỉ dẫn lắp đặt.

	<ul style="list-style-type: none">• Màn hình
	<ul style="list-style-type: none">• Giá đỡ
	<ul style="list-style-type: none">• Nắp che cáp
	<ul style="list-style-type: none">• Cáp nguồn (khác nhau tùy mỗi nước)

	<ul style="list-style-type: none"> • Cáp DP (Mini-DP đến DP) (dùng cho U2515H)
	<ul style="list-style-type: none"> • Cáp HDMI (dùng cho U2515HX)
	<ul style="list-style-type: none"> • Cáp USB 3.0 tải lên (Bật các cổng USB trên màn hình)
	<ul style="list-style-type: none"> • Trình điều khiển và đa phương tiện tài liệu • Hướng dẫn lắp đặt nhanh • Thông tin về an toàn và thông tin pháp quy • Báo cáo hiệu chỉnh nhà máy

Tính năng sản phẩm

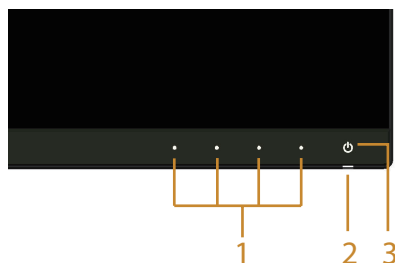
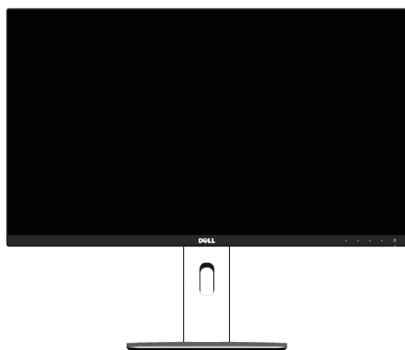
Màn hình bản phẳng **Dell UltraSharp U2515H/U2515HX** có một ma trận chủ động, Bóng bán dẫn màng mỏng (TFT), Hiển thị tinh thể lỏng (LCD) và đèn nền LED. Các tính năng màn hình bao gồm:

- **U2515H/U2515HX:** Vùng hiển thị xem được 63,44 cm (25,0 inch) (đo theo chiều chéo). Độ phân giải 2560 x 1440, kèm hỗ trợ toàn màn hình cho những độ phân giải thấp hơn.
- Góc nhìn rộng cho phép nhìn từ vị trí ngồi hay đứng, hoặc trong lúc di chuyển từ bên này sang bên kia.
- Các chức năng nghiêng, quay, mở rộng theo chiều dọc và điều chỉnh xoay.
- Gờ siêu mỏng làm giảm đến tối thiểu khoảng cách gờ để dùng được nhiều màn hình, khiến cho việc thiết lập dễ hơn cùng với trải nghiệm xem nhìn thanh lịch.
- Giá đỡ tháo lắp được và các lỗ nâng đỡ 100 mm của Hiệp hội tiêu chuẩn điện tử video (VESA™) cho các giải pháp nâng đỡ linh hoạt.
- Kết nối kỹ thuật số quy mô lớn với DisplayPort, mini DisplayPort, HDMI (MHL), USB 3.0 giúp nâng cấp dễ dàng màn hình của bạn.

- Chức năng cảm và chạy nếu được hỗ trợ bởi hệ thống của bạn.
- Độ phủ sRGB 99% với delta E trung bình ≤ 3 .
- Các điều chỉnh Hiển thị trên màn hình (OSD) giúp dễ dàng thiết lập và tối ưu hoá màn hình.
- Đa phương tiện tài liệu hướng dẫn và phần mềm bao gồm Tập tin thông tin (INF), Tập tin điều chỉnh màu ảnh (ICM) và tài liệu hướng dẫn sản phẩm.
- Phần mềm Dell Display Manager kèm theo (nằm trong đĩa CD được gửi cùng với màn hình).
- Tính năng Tiết Kiệm Năng Lượng được chứng nhận hợp chuẩn Energy Star.
- Khe khoá an toàn.
- Khóa giá đỡ.
- Chức năng chuyển từ tỉ lệ khung hình rộng sang khung hình tiêu chuẩn mà vẫn giữ được chất lượng hình ảnh.
- Xếp hạng vàng của EPEAT.
- Màn hình U2515H/U2515HX không có chất BFR/PVC (không có Halogen) ngoại trừ cấp ngoài.
- Hiển thị được TCO chứng nhận.
- Đáp ứng các yêu cầu rò rỉ NFPA 99 hiện tại.
- Thuỷ tinh không thạch tín và không thuỷ ngân chỉ dành cho bản màn hình.
- Tỉ lệ tương phản động cao (2.000.000:1).
- Nguồn điện trạng thái tạm nghỉ 0,5 W khi đang ở chế độ ngủ.
- Thiết bị đo điện năng cho biết mức điện năng được màn hình sử dụng theo thời gian thực.
- Điều khiển làm mờ đèn nền analog dành cho màn hình không nhấp nháy.

Nhận diện các bộ phận và phần điều khiển

Góc nhìn mặt trước



Phần điều khiển mặt trước

Nhãn	Mô tả
1	Các nút chức năng (Để biết thêm thông tin, hãy xem Vận hành màn hình)
2	Chỉ báo đèn LED nguồn
3	Nút tắt/mở nguồn

Góc nhìn mặt sau



Góc nhìn mặt sau có giá đỡ màn hình

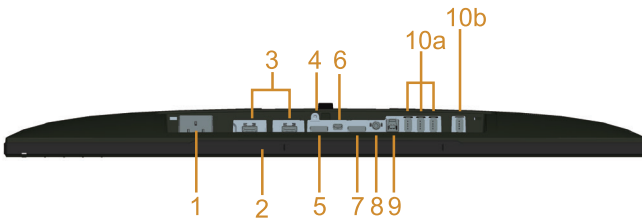
Nhãn	Mô tả	Sử dụng
1	Lỗ nâng đỡ VESA (100 mm x 100 mm – đăng sau nắp VESA kèm theo)	Treo màn hình lên tường bằng bộ treo tường tương thích với VESA (100 mm x 100 mm).
2	Nhãn quy định	Liệt kê các phê chuẩn quy định.
3	Nút tháo giá đỡ	Thả giá đỡ ra khỏi màn hình.
4	Khe khoá an toàn	Bảo vệ màn hình bằng khoá an toàn (khóa an toàn không đi kèm theo).
5	Nhãn chuỗi số mã vạch	Tham khảo nhãn này nếu bạn cần liên hệ Dell để được hỗ trợ kỹ thuật.
6	Cổng USB tải xuống*	Kết nối thiết bị USB của bạn. Bạn chỉ có thể dùng đầu kết nối này sau khi bạn đã kết nối cáp USB đến máy tính và đầu kết nối USB tải lên trên màn hình.
7	Khe luồn cáp	Dùng để gom các cáp lại bằng cách đặt chúng qua khe này.

* Khuyến nghị nên dùng cổng này cho thiết bị USB không dây của bạn bất cứ khi nào có thể.

Góc nhìn mặt bên



Góc nhìn mặt dưới



Góc nhìn mặt dưới không có giá đỡ màn hình

Nhãn	Mô tả	Sử dụng
1	Đầu kết nối dây nguồn AC	Kết nối cáp nguồn.
2	Khe lắp Dell Soundbar	Gắn Dell Soundbar tùy chọn. LƯU Ý: Hãy tháo dải nhựa bao phủ các khe cắm trước khi lắp đặt Loa Dạng Thanh của Dell.
3	Đầu kết nối cổng HDMI (MHL)	Kết nối thiết bị MHL của bạn với cáp MHL.
4	Tính năng khoá giá đỡ	Để khoá giá đỡ với màn hình bằng đinh vít M3 x 6 mm (đinh vít không kèm theo).
5	Đầu kết nối DisplayPort vào	Kết nối máy tính với cáp DP.
6	Đầu kết nối Mini DisplayPort vào	Kết nối máy tính của bạn với cáp Mini-DP đến DP.

7	Đầu kết nối DisplayPort ra (MST)	Đầu ra DisplayPort dành cho màn hình chức năng MST (Truyền đa dòng). Màn hình DP 1.1 chỉ có thể được kết nối như màn hình cuối cùng trong chuỗi MST. Để bật MST, vui lòng tham khảo hướng dẫn trong phần " Kết nối màn hình dành cho chức năng DP Truyền đa dòng (MST) ".
8	Ngõ ra âm thanh	Kết nối loa của bạn*.
9	Cổng USB tải lên	Kết nối cáp USB đi kèm với màn hình của bạn đến máy tính. Ngay khi cáp này được kết nối, bạn có thể dùng các đầu kết nối USB trên màn hình.
10 (a,b)	Cổng USB tải xuống	Kết nối thiết bị USB của bạn. Bạn chỉ có thể dùng đầu kết nối này sau khi bạn đã kết nối cáp USB đến máy tính và đầu kết nối USB tải lên trên màn hình.**

*Việc sử dụng tai nghe không được hỗ trợ đối với đầu kết nối ngõ ra âm thanh.

** Khuyến nghị nên dùng cổng (10b) hoặc cổng USB tải xuống ở mặt bên phía sau của thiết bị USB không dây của bạn bất cứ khi nào có thể.

Thông số kỹ thuật màn hình

Thông số kỹ thuật bản phẳng

Mẫu	U2515H/U2515HX
Loại màn hình	Ma trận chủ động - TFT LCD
Loại bản	Chuyển hướng tinh thể trong cùng mặt phẳng
Hình ảnh xem được	
Chiều chéo	634,4 mm (25,0 inch)
Chiều ngang, vùng hoạt động	552,96 mm (21,77 inch)
Chiều dọc, vùng hoạt động	311,04 mm (12,25 inch)
Diện tích	171992,68 mm ² (266,68 inch ²)
Cự li điểm ảnh	0,216 mm
Góc nhìn	178° (dọc) điển hình, 170° (dọc) Tối thiểu 178° (ngang) điển hình, 170° (ngang) Tối thiểu
Dẫn xuất độ sáng	350 cd/m ² (điển hình), 50 cd/m ² (tối thiểu)
Tỉ lệ tương phản	1000 đến 1 (điển hình), 700 đến 1 (Tối thiểu) 2M trong 1 (điển hình khi bật Độ tương phản động)
Lớp phủ bề mặt	Chống chói với độ cứng 3H
Đèn nền	Hệ thống đèn cạnh LED

Thời gian phản hồi	Chế độ FAST (Nhanh): 6 ms từ xám đến xám (điển hình) Chế độ NORMAL (Bình thường): 8 ms từ xám đến xám (điển hình) Bật/Tắt: 19 ms từ đen đến trắng (điển hình)
Độ sâu màu	16,78 triệu màu
Gam màu	CIE 1976 (91%), CIE 1931 (76%) và độ phủ sRGB 99%

Thông số kỹ thuật độ phân giải

Mẫu	U2515H/U2515HX
Phạm vi quét ngang	30 kHz đến 113 kHz (tự động)
Phạm vi quét dọc	56 Hz đến 86 Hz (tự động)
Độ phân giải thiết lập sẵn cao nhất	2560 x 1440 ở 60 Hz

Các kiểu video được hỗ trợ

Mẫu	U2515H/U2515HX
Chức năng hiển thị video (phát lại HDMI & DP)	480p, 480i, 576p, 720p, 1080p, 576i, 1080i

Chế độ hiển thị thiết lập sẵn

Kiểu hiển thị	Tần số ngang (kHz)	Tần số dọc (Hz)	Xung quét điểm ảnh (MHz)	Phân cực đồng bộ (Ngang / Dọc)
VESA, 720 x 400	31,5	70,1	28,3	-/+
VESA, 640 x 480	31,5	60,0	25,2	-/-
VESA, 640 x 480	37,5	75,0	31,5	-/-
VESA, 800 x 600	37,9	60,3	40,0	+/+
VESA, 800 x 600	46,9	75,0	49,5	+/+
VESA, 1024 x 768	48,4	60,0	65,0	-/-
VESA, 1024 x 768	60,0	75,0	78,8	+/+
VESA, 1152 x 864	67,5	75,0	108,0	+/+
VESA, 1280 x 1024	64,0	60,0	108,0	+/+
VESA, 1280 x 1024	80,0	75,0	135,0	+/+
VESA, 1600 x 1200	75,0	60,0	162,0	+/+
VESA, 1920 x 1080	67,5	60,0	148,5	+/+
VESA, 2560 x 1440	88,8	60,0	241,5	+/-

Kiểu hiển thị nguồn MHL

Kiểu hiển thị	Tần số (Hz)
640 x 480p	60
720 x 480p	60
720 x 576p	50
1280 x 720p	60
1280 x 720p	50
1920 x 1080i	60
1920 x 1080i	50
1920 x 1080p	30
1920 x 1080p	60
1920 x 1080p	50
720 (1440) x 480i	60
720 (1440) x 576i	50

Chế độ Truyền đa dòng (MST)

Màn hình nguồn MST	Số lượng màn hình ngoài tối đa có thể được hỗ trợ		
	2560x1440/60Hz	1920x1200/60Hz	1920x1080/60Hz
2560 x 1440/ 60Hz	1	2	2

Thông số kỹ thuật điện năng

Mẫu	U2515H/U2515HX
Tín hiệu đầu vào video	<ul style="list-style-type: none"> HDMI 1.4 (MHL 2.0)*, 600mV cho mỗi đường khác nhau, trở kháng đầu vào 100 ohm cho mỗi cặp khác nhau DisplayPort 1.2**, 600mV cho mỗi đường khác nhau, trở kháng đầu vào 100 ohm cho mỗi cặp khác nhau
Điện áp/tần số/dòng điện đầu vào AC	100 VAC đến 240 VAC / 50 Hz hoặc 60 Hz \pm 3 Hz / 1,5 A (điển hình)
Dòng điện kích từ	<ul style="list-style-type: none"> 120 V: 40 A (Tối đa) tại 0 °C (khởi động lạnh) 240 V: 80 A (Tối đa) tại 0 °C (khởi động lạnh)

* Không hỗ trợ thông số kỹ thuật tùy chọn HDMI 1.4, bao gồm Kênh Ethernet HDMI (HEC), Kênh phản hồi âm thanh (ARC), tiêu chuẩn cho định dạng và độ phân giải 3D, tiêu chuẩn cho độ phân giải rạp chiếu phim kỹ thuật số 2K và 4K.

** Hỗ trợ thông số kỹ thuật DP1.2 (CORE), bao gồm âm thanh HBR2, MST và DP.

Đặc tính vật lí

Mẫu	U2515H/U2515HX
Loại đầu kết nối	DP, đầu kết nối đen (bao gồm DP vào và DP ra); Mini DisplayPort; HDMI (MHL); USB 3.0
Loại cáp tín hiệu	<ul style="list-style-type: none"> • Kỹ thuật số: có thể tháo, HDMI, 19 chân • Kỹ thuật số: có thể tháo, MHL, 19 chân • Kỹ thuật số: có thể tháo, Mini-DP đến DP, 20 chân • Bộ truyền dẫn tuần tự đa dụng: có thể tháo, USB, 9 chân
Kích thước (có giá đỡ)	
Chiều cao (mở rộng)	512,5 mm (20,18 inch)
Chiều cao (thu gọn)	398,0 mm (15,67 inch)
Chiều rộng	569,0 mm (22,40 inch)
Chiều sâu	205,0 mm (8,07 inch)
Kích thước (không có giá đỡ)	
Chiều cao	338,7 mm (13,33 inch)
Chiều rộng	569,0 mm (22,40 inch)
Chiều sâu	46,4 mm (1,83 inch)
Kích thước giá đỡ	
Chiều cao (mở rộng)	418,0 mm (16,46 inch)
Chiều cao (thu gọn)	371,6 mm (14,63 inch)
Chiều rộng	245,0 mm (9,65 inch)
Chiều sâu	205,0 mm (8,07 inch)
Trọng lượng	
Trọng lượng với gói hàng	9,8 kg (21,56 lb)
Trọng lượng với nhóm giá đỡ và cáp	6,8 kg (14,96 lb)
Trọng lượng không có nhóm giá đỡ (Để cân nhắc việc treo tường hoặc dùng giá treo VESA - không cáp)	4,4 kg (9,64 lb)
Trọng lượng của nhóm giá đỡ	2,1 kg (4,64 lb)
Độ bóng khung mặt trước	Khung đen - 13 đơn vị bóng (tối đa)

Đặc tính môi trường

Mẫu	U2515H/U2515HX
Nhiệt độ	
Lúc hoạt động	0 °C đến 40 °C (32 °F đến 104 °F)
Lúc không hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> • Bảo quản: -20 °C đến 60 °C (-4 °F đến 140 °F) • Vận chuyển: -20 °C đến 60 °C (-4 °F đến 140 °F)
Độ ẩm	
Lúc hoạt động	10% đến 80% (không ngưng tụ)
Lúc không hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> • Bảo quản: 5% đến 90% (không ngưng tụ) • Vận chuyển: 5% đến 90% (không ngưng tụ)
Độ cao trên mực nước biển	
Lúc hoạt động	5.000 m (16.400 ft) (tối đa)
Lúc không hoạt động	12.192 m (40.000 ft) (tối đa)
Tản nhiệt	<ul style="list-style-type: none"> • 296,67 BTU/giờ (tối đa) • 119,35 BTU/giờ (điển hình)

Chế độ quản lý điện năng

Nếu bạn có thể đồ họa hay phần mềm đồ họa tuân thủ DPM™ của VESA, màn hình có thể tự động giảm mức tiêu thụ điện năng khi không được sử dụng. Chức năng này được đề cập như *Chế độ tiết kiệm điện năng**. Nếu máy tính phát hiện thông tin vào từ bàn phím, chuột hay từ các thiết bị đầu vào khác, thì màn hình tự động chạy trở lại. Bảng sau cho thấy mức tiêu thụ điện năng và tín hiệu của tính năng tự động tiết kiệm điện năng này.

* Không tiêu thụ điện năng ở chế độ TẮT chỉ có thể có được khi ngắt kết nối cáp chính ra khỏi màn hình.

Chế độ VESA	Đồng bộ ngang	Đồng bộ dọc	Video	Chi báo nguồn	Mức tiêu thụ điện năng
Hoạt động bình thường	Đang chạy	Đang chạy	Đang chạy	Trắng	87 W (tối đa)** 35 W (điển hình)
Chế độ Ngưng chạy	Ngưng chạy	Ngưng chạy	Trống	Trắng (Rực rỡ)	ít hơn 0,5 W
Tắt màn hình	-	-	-	Tắt	ít hơn 0,5 W

** Tiêu thụ điện năng tối đa với độ sáng tối đa và USB đang hoạt động.

OSD chỉ chạy ở chế độ hoạt động bình thường. Khi bấm bất kì nút nào ở chế độ Ngưng chạy, một trong những thông báo sau sẽ hiển thị:

Dell UltraSharp U2515H

There is no signal coming from your computer. Press any key on the keyboard or move the mouse to wake it up. If there is no display, press the monitor button now to select the correct input source on the On-Screen-Display menu.



hoặc

Dell UltraSharp U2515H

There is no signal coming from your device. Please activate your device to wake it up. If there is no display, press the monitor button now to select the correct input source on the On-Screen-Display menu.



Kích hoạt máy tính và màn hình để có quyền truy cập OSD.

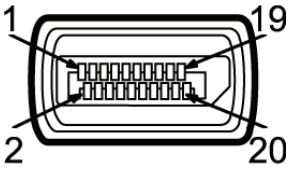


LƯU Ý: Màn hình này được chứng nhận hợp chuẩn **ENERGY STAR®**.



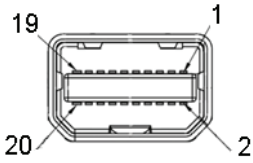
Chỉ định chân cắm

Đầu kết nối DisplayPort



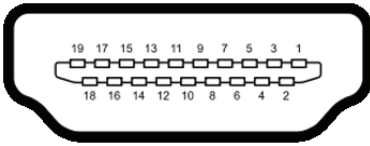
Số của chân	Bên 20 chân của cáp tín hiệu kết nối
1	ML0(p)
2	GND
3	ML0(n)
4	ML1(p)
5	GND
6	ML1(n)
7	ML2(p)
8	GND
9	ML2(n)
10	ML3(p)
11	GND
12	ML3(n)
13	GND
14	GND
15	AUX(p)
16	GND
17	AUX(n)
18	GND
19	Re-PWR
20	+3,3 V DP_PWR

Đầu kết nối Mini DisplayPort



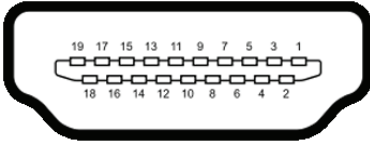
Số của chân	Bên 20 chân của cáp tín hiệu kết nối
1	GND
2	Phát hiện cắm-rút
3	ML3(n)
4	GND
5	ML3(p)
6	GND
7	GND
8	GND
9	ML2(n)
10	ML0(n)
11	ML2(p)
12	ML0(p)
13	GND
14	GND
15	ML1(n)
16	AUX(p)
17	ML1(p)
18	AUX(n)
19	GND
20	+3,3 V DP_PWR

Đầu kết nối HDMI



Số của chân	Bên 19 chân của cáp tín hiệu kết nối
1	DỮ LIỆU 2+ TMDS
2	KHIỂN CHẶN DỮ LIỆU 2 TMDS
3	DỮ LIỆU 2- TMDS
4	DỮ LIỆU 1+ TMDS
5	KHIỂN CHẶN DỮ LIỆU 1 TMDS
6	DỮ LIỆU 1- TMDS
7	DỮ LIỆU 0+ TMDS
8	KHIỂN CHẶN DỮ LIỆU 0 TMDS
9	DỮ LIỆU 0- TMDS
10	XUNG + TMDS
11	KHIỂN CHẶN XUNG TMDS
12	XUNG - TMDS
13	CEC
14	Dự trữ (N.C. trên thiết bị)
15	XUNG DDC (SCL)
16	DỮ LIỆU DDC (SDA)
17	DDC/CEC nối đất
18	NGUỒN +5V
19	PHÁT HIỆN CẮM-RÚT

Đầu kết nối MHL



Số của chân	Bên 19 chân của cáp tín hiệu kết nối
1	DỮ LIỆU 2+ TMDS
2	KHIẾN CHẶN DỮ LIỆU 2 TMDS
3	DỮ LIỆU 2- TMDS
4	DỮ LIỆU 1+ TMDS
5	GND
6	DỮ LIỆU 1- TMDS
7	MHL+
8	KHIẾN CHẶN DỮ LIỆU 0 TMDS
9	MHL-
10	XUNG + TMDS
11	GND
12	XUNG - TMDS
13	CEC
14	Dự trữ (N.C. trên thiết bị)
15	XUNG DDC (SCL)
16	DỮ LIỆU DDC (SDA)
17	GND
18	VBUS (+5 V, 900 mA tối đa)
19	CBUS

Chức năng Cắm và Chạy


Bạn có thể cài đặt màn hình này vào bất kì hệ thống nào tương thích chức năng Cắm và Chạy. Màn hình tự động cung cấp cho hệ thống máy tính Dữ liệu nhận dạng hiển thị mở rộng (EDID) bằng các giao thức Kênh dữ liệu hiển thị (DDC) để các hệ thống có thể tự thiết định chính mình và tối ưu hóa các thiết đặt màn hình. Hầu hết việc cài đặt màn hình đều tự động, bạn có thể chọn những thiết đặt khác nếu muốn. Để biết thêm thông tin về việc thay đổi thiết đặt màn hình, hãy xem [Vận hành màn hình](#).

Giao diện USB (Universal Serial Bus)

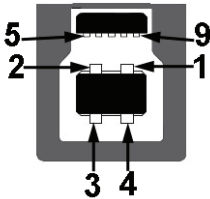
Phần này cung cấp cho bạn thông tin về các cổng USB có sẵn trên màn hình.

 **LƯU Ý:** Màn hình này tương thích USB 3.0 SuperSpeed.

Tốc độ truyền tải	Mức truyền dữ liệu	Mức tiêu thụ điện năng*
Tốc độ siêu tốc	5 Gbps	4,5 W (Tối đa, mỗi cổng)
Tốc độ cao	480 Mbps	4,5 W (tối đa, mỗi cổng)
Tốc độ hết mức	12 Mbps	4,5 W (tối đa, mỗi cổng)

* Lên tới 2A trên cổng USB tải xuống (cổng có biểu tượng hình tia chớp ) với các thiết bị tuân thủ BC1.2 hoặc thiết bị USB thông thường.

Đầu kết nối USB tải lên




Số của chân	Bên 9 chân cắm của đầu kết nối
1	VCC
2	D-
3	D+
4	GND
5	SSTX-
6	SSTX+
7	GND
8	SSRX-
9	SSRX+

Đầu kết nối USB tài xuống




Số của chân	Bên 9 chân cắm của đầu kết nối
1	VCC
2	D-
3	D+
4	GND
5	SSTX-
6	SSTX+
7	GND
8	SSRX-
9	SSRX+

Cổng USB

- 1 tải lên - mặt sau
- 5 tải xuống - mặt sau
- Cổng sạc nguồn - cổng có biểu tượng hình tia chớp ; hỗ trợ chức năng sạc nhanh hiện tại nếu thiết bị tương thích BC1.2.

 **LƯU Ý:** Chức năng USB 3.0 yêu cầu máy tính có thể chạy USB 3.0.

 **LƯU Ý:** Giao diện USB của màn hình chỉ hoạt động khi màn hình được bật hoặc đang ở chế độ tiết kiệm điện năng. Nếu bạn Tắt màn hình rồi sau đó Bật, những thiết bị ngoại vi gắn vào có thể mất vài giây để hồi phục chức năng bình thường.

Chất lượng màn hình LCD và Chính sách điểm ảnh

Trong suốt quy trình sản xuất màn hình LCD, thường thì một hay nhiều điểm ảnh sẽ nằm cố định ở một trạng thái không thay đổi mà rất khó thấy và không gây tác động đến chất lượng hiển thị hay tính sử dụng. Để biết thêm thông tin về Chất lượng màn hình Dell và Chính sách điểm ảnh, hãy truy cập trang web Hỗ trợ của Dell tại:

<http://www.dell.com/support/monitors>.

Hướng dẫn bảo trì

Lau màn hình

△ **THẬN TRỌNG:** Hãy đọc và làm theo các [Hướng dẫn an toàn](#) trước khi lau màn hình.

⚠ **CẢNH BÁO:** Trước khi lau màn hình, hãy rút cáp nguồn màn hình ra khỏi ổ cắm điện.



Để biết được cách thực hiện tốt nhất, hãy làm theo các chỉ dẫn trong danh sách dưới đây khi mở gói hàng, lau chùi hoặc khi cắm màn hình:

- Để lau màn hình tĩnh điện, hơi thấm ướt miếng vải mềm sạch với nước. Nếu được, hãy dùng khăn giấy hoặc dung dịch đặc biệt phù hợp với lớp phủ tĩnh điện để lau màn hình. Không dùng benzene, chất pha loãng, ammonia, chất tẩy rửa có hạt hay khí nén.
- Hãy dùng miếng vải ẩm, hơi thấm ướt để lau màn hình. Tránh dùng bất kì loại bột giặt nào do một số bột giặt sẽ để lại lớp màng trắng sữa trên màn hình.
- Nếu bạn để ý thấy bột trắng khi mở lấy màn hình ra, thì hãy dùng miếng vải lau sạch nó.
- Cắm màn hình cẩn thận do màn hình màu tối có thể bị trầy và dễ để lại các vết xước trắng hơn so với màn hình màu sáng.
- Để giúp duy trì chất lượng hình ảnh tốt nhất trên màn hình, hãy dùng trình bảo vệ màn hình thay đổi linh động và tắt màn hình khi không dùng tới.

2

Lắp đặt màn hình

Gắn giá đỡ

-  **LƯU Ý:** Giá đỡ được tháo ra khi màn hình được chuyển đi từ nhà máy.
-  **LƯU Ý:** Chức năng này thích hợp cho màn hình có giá đỡ. Khi mua bất kì giá đỡ nào khác, vui lòng tham khảo hướng dẫn lắp đặt giá đỡ tương ứng đó để biết các chỉ dẫn lắp đặt.




Để gắn giá đỡ màn hình:

1. Tháo vỏ bọc và đặt màn hình lên nó.
2. Lắp hai miếng thẻ ở phần trên cùng của giá đỡ vào đường rãnh ở sau lưng màn hình.
3. Ấn giá đỡ xuống đến khi nó khớp đúng chỗ.

Kết nối màn hình

 **CẢNH BÁO:** Trước khi bắt đầu bất kì quy trình nào trong phần này, hãy làm theo [Hướng dẫn an toàn](#).

 **LƯU Ý:** Không được kết nối tất cả các cáp vào máy tính cùng một lúc.

Để kết nối màn hình vào máy tính:

1. Tắt máy tính và ngắt kết nối cáp nguồn.
Kết nối cáp DP/Mini-DP đến DP/HDMI/MHL từ màn hình của bạn vào máy tính.

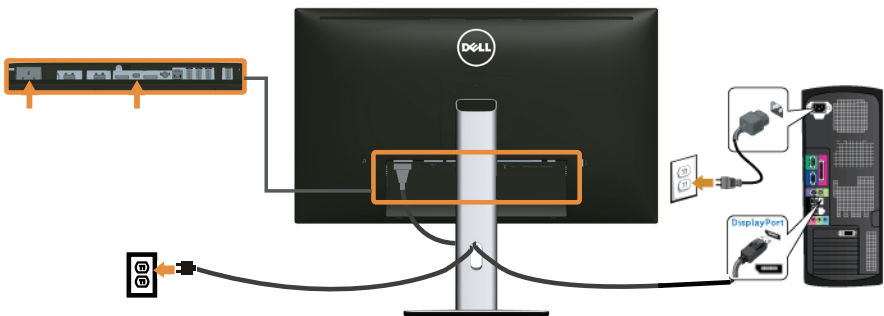
Kết nối cáp HDMI



Kết nối cáp MHL



Kết nối cáp DisplayPort (Mini-DP đến DP) màu đen



Kết nối cáp DisplayPort (DP đến DP) màu đen



Kết nối màn hình dành cho chức năng DP Truyền đa dòng (MST)



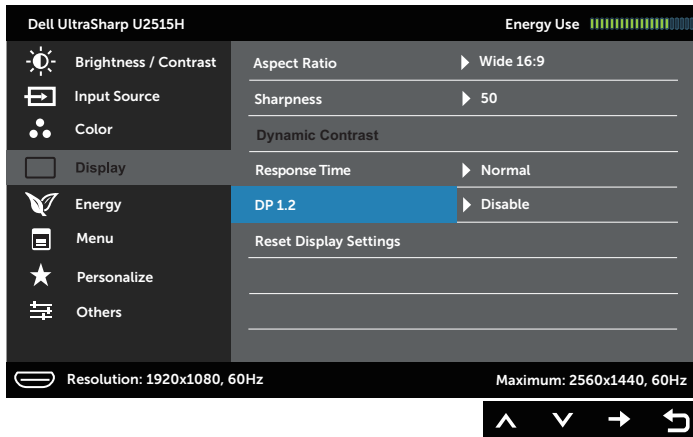
LƯU Ý: U2515H/U2515HX hỗ trợ tính năng DP MST. Để dùng tính năng này, Thẻ đồ họa PC của bạn phải được chứng nhận DP1.2 có tùy chọn MST.

Mặc định trong thiết đặt xuất xưởng trong U2515H/U2515HX là DP1.1a.

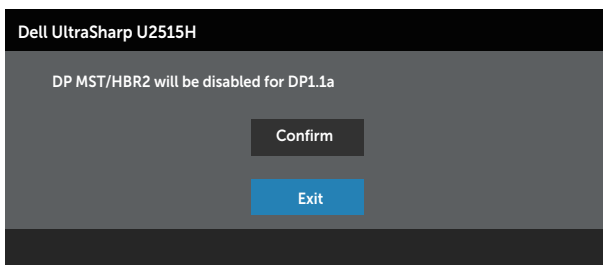
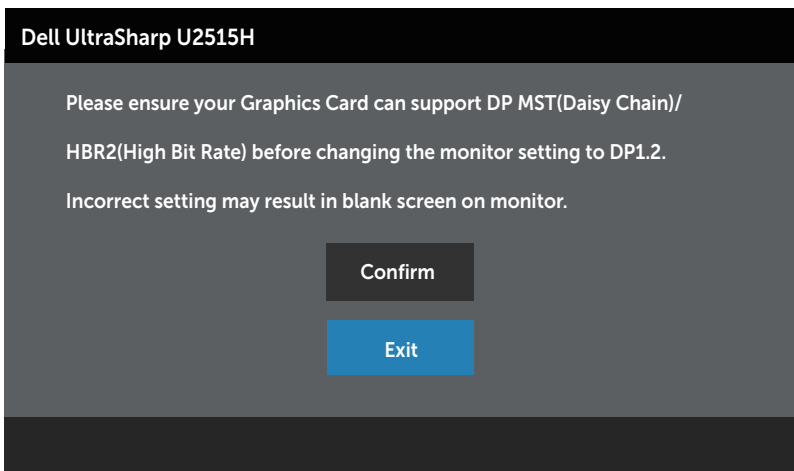
Để bật kết nối MST, vui lòng chỉ dùng cáp DP như được cung cấp trong hộp (hoặc cáp DP1.2 được chứng nhận khác) và thay đổi thiết đặt DP thành DP1.2 bằng cách thực hiện các bước sau:

A) Màn hình có thể hiển thị nội dung



1. Dùng nút OSD để dẫn hướng đến **Display Settings (Thiết đặt hiển thị)**.

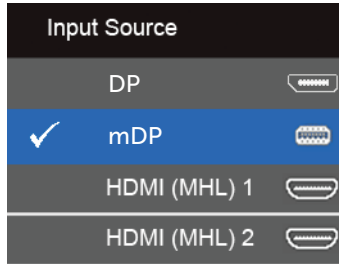



2. Đi đến lựa chọn **DP 1.2**.
3. Chọn **Enable (Bật)** hoặc **Disable (Tắt)** tương ứng
4. Làm theo thông báo trên màn hình để xác nhận lựa chọn DP1.2 hoặc DP1.1a.

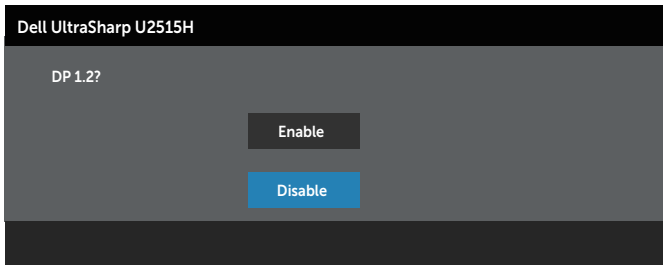


B) Màn hình không hiển thị nội dung (màn hình trống)

1. Dùng nút  và  để tô sáng DP hoặc mDP.




2. Nhấn và giữ nút  trong khoảng 8 giây.
3. Thông báo cấu hình DisplayPort sẽ xuất hiện:



4. Dùng nút  để bật DP1.2 hoặc nút  để thoát mà không thực hiện bất kỳ thay đổi nào.

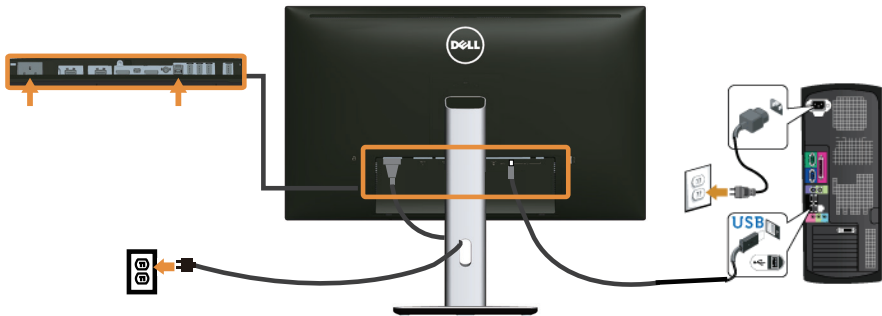
Lặp lại các bước ở trên để thay đổi thiết đặt trở về DP 1.1a nếu cần thiết.

 **THẬN TRỌNG:** Các hình vẽ chỉ mang tính chất minh họa. Hình ảnh trên máy tính có thể khác.





Kết nối cáp USB 3.0

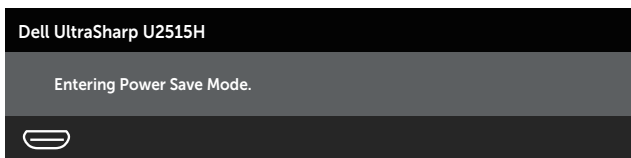
Sau khi hoàn tất kết nối cáp Mini-DP đến DP/DP/HDMI, hãy làm theo quy trình bên dưới để kết nối cáp USB 3.0 với máy tính và hoàn tất việc lắp đặt màn hình:

1. Kết nối cổng USB 3.0 tải lên (cáp được cấp) với cổng USB 3.0 thích hợp trên máy tính bạn. (Xem [Góc nhìn mặt dưới](#) để biết chi tiết.)
2. Kết nối thiết bị ngoại vi USB 3.0 vào cổng USB 3.0 tải xuống trên màn hình.
3. Cắm phích cắm cáp nguồn dành cho máy tính và màn hình của bạn vào ổ cắm điện gần đó.
4. Bật màn hình và máy tính.
Nếu màn hình của bạn hiển thị được hình ảnh thì quá trình cài đặt đã hoàn tất. Nếu màn hình không hiển thị hình ảnh, hãy xem [Các vấn đề cụ thể về USB \(Universal Serial Bus\)](#).
5. Sử dụng khe luồng cáp trên giá đỡ màn hình để sắp xếp cáp.



Dùng Liên kết độ nét cao di động (MHL)

-  **LƯU Ý:** Màn hình này được chứng nhận MHL.
-  **LƯU Ý:** Để dùng chức năng MHL, chỉ dùng cáp được chứng nhận MHL và các thiết bị nguồn hỗ trợ đầu ra MHL.
-  **LƯU Ý:** Một số thiết bị nguồn MHL có thể mất hơn vài giây hoặc lâu hơn chút để xuất ra hình ảnh, tùy thuộc vào thiết bị nguồn MHL nào.
-  **LƯU Ý:** Khi thiết bị nguồn MHL được kết nối ở chế độ Tạm nghỉ, màn hình sẽ hiển thị khung hình đen hoặc thông báo dưới đây, tùy thuộc vào đầu ra của thiết bị nguồn MHL.



Để bật kết nối MHL, vui lòng thực hiện các bước bên dưới:

1. Cắm phích cắm cáp nguồn của màn hình vào ổ cắm điện AC.
2. Kết nối cổng (micro) USB trên thiết bị nguồn MHL vào cổng HDMI (MHL) 1 hoặc HDMI (MHL) 2 trên màn hình bằng cáp được chứng nhận MHL (Xem [Góc nhìn mặt dưới](#) để biết chi tiết.)
3. Bật màn hình và thiết bị nguồn MHL.



4. Chọn nguồn đầu vào trên màn hình thành **HDMI (MHL) 1** hoặc **HDMI (MHL) 2** bằng cách dùng Menu OSD (Xem [Sử dụng menu Hiển thị trên màn hình \(OSD\)](#) để biết chi tiết.)
5. Nếu màn hình không hiển thị hình ảnh, hãy xem [Các vấn đề cụ thể về Liên kết độ nét cao di động \(MHL\)](#).

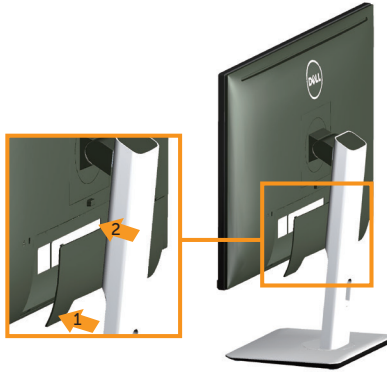
Sắp xếp dây cáp



Sau khi gắn tất cả dây cáp cần thiết vào màn hình và máy tính, (Xem [Kết nối màn hình](#) để biết cách gắn cáp,) hãy sắp xếp tất cả dây cáp như minh họa bên trên.

Gắn nắp che cáp

LƯU Ý: Nắp che cáp được tháo ra khi màn hình được chuyển đi từ nhà máy.

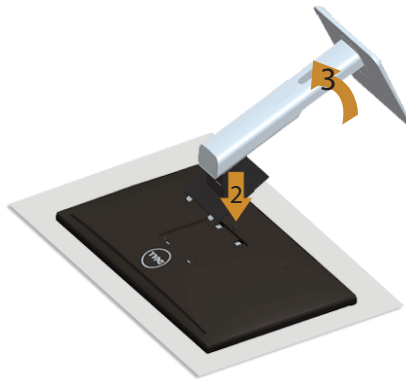


1. Khớp hai miếng thẻ ở phần cuối của nắp che cáp vào rãnh ở mặt sau màn hình.
2. Ấn nắp che cáp cho đến khi nó khớp đúng chỗ.

Gỡ giá đỡ màn hình

LƯU Ý: Để tránh trầy xước trên màn hình LCD khi gỡ bỏ giá đỡ, hãy đảm bảo đặt màn hình trên bề mặt mềm, sạch sẽ.

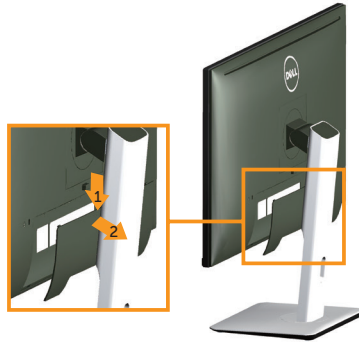
LƯU Ý: Chức năng này thích hợp cho màn hình có giá đỡ. Khi mua bất kì giá đỡ nào khác, vui lòng tham khảo hướng dẫn lắp đặt giá đỡ tương ứng đó để biết các chỉ dẫn lắp đặt.



Để gỡ giá đỡ:

1. Đặt màn hình trên miếng vải hay miếng đệm mềm.
2. Ấn và giữ nút tháo giá đỡ.
3. Nâng giá đỡ lên cao ra khỏi màn hình

Gỡ nắp che cáp



1. Ấn miếng thẻ trên nắp che cáp.
2. Gỡ hai miếng thẻ ở phần dưới cùng của nắp che cáp ra khỏi rãnh nằm ở mặt sau màn hình.

Treo tường (tuỳ chọn)



(Kích thước đinh vít: M4 x 10 mm).

Tham khảo các chỉ dẫn đi kèm với bộ treo tường tương thích với VESA.

1. Đặt bản nền màn hình lên miếng vải hay miếng đệm mềm trên chiếc bàn cố định, phẳng.
2. Gỡ giá đỡ.
3. Dùng tua-vít đầu chữ thập của Phillips để gỡ bốn đinh ốc giữ chặt nắp nhựa.
4. Lấy giá treo ra bộ treo tường và gắn vào màn hình.
5. Treo màn hình lên tường theo các chỉ dẫn đi kèm với bộ treo tường.

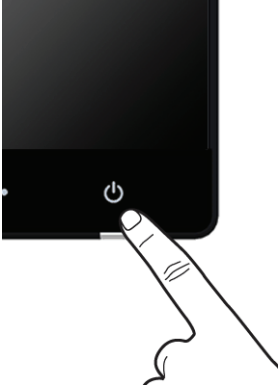
LƯU Ý: Chỉ dùng với giá treo được UL liệt kê với trọng lượng/tải trọng tối thiểu chịu được 4,91 kg.

3

Vận hành màn hình

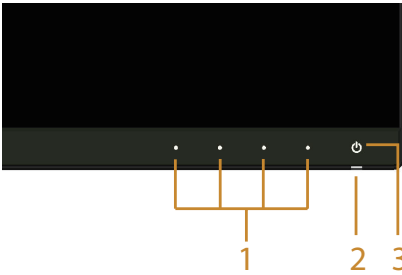
Bật nguồn màn hình

Bấm nút  để Bật màn hình.







Sử dụng Bộ điều khiển bản trước

Sử dụng các nút điều khiển ở mặt trước màn hình để điều chỉnh các đặc tính của hình ảnh hiển thị. Khi bạn sử dụng các nút này để điều chỉnh các điều khiển, OSD sẽ hiện các giá trị số của những đặc tính khi chúng thay đổi.



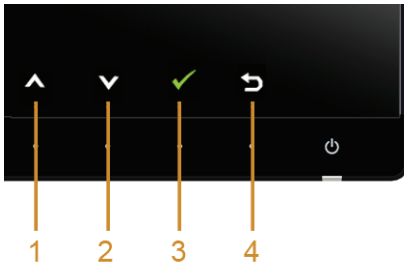
Bảng sau mô tả các nút bản trước:





Nút bản trước	Mô tả
1  Shortcut key (Phím tắt)/Preset Modes (Chế độ thiết lập sẵn)	Dùng nút này để chọn từ danh sách các chế độ màu thiết lập sẵn.

 Shortcut key (Phím tắt)/Brightness (Độ sáng)/Contrast (Độ tương phản)	Dùng nút này để trực tiếp truy cập menu Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản) .
 Menu	Dùng nút MENU để khởi chạy Hiển thị trên màn hình (OSD) và chọn menu OSD. Xem Truy cập hệ thống menu .
 Exit (Thoát)	Dùng nút này để trở lại menu chính hoặc để thoát khỏi menu chính của OSD.
2 và 3  Nguồn (với chỉ báo đèn nguồn)	Dùng nút Nguồn để Bật và Tắt màn hình. Đèn trắng cho biết màn hình đang Bật và hoạt động bình thường. Đèn trắng rực rỡ cho biết màn hình ở chế độ tiết kiệm điện năng.

Nút bản trước

Dùng các nút ở mặt trước màn hình để điều chỉnh các thiết đặt hình ảnh.



Nút bản trước	Mô tả
1  Tăng	Dùng nút Tăng để điều chỉnh (tăng phạm vi) các mục trong menu OSD.
2  Giảm	Dùng nút Giảm để điều chỉnh (giảm phạm vi) các mục trong menu OSD.
3  OK	Dùng nút OK để xác nhận lựa chọn của bạn.
4  Quay lại	Dùng nút Quay lại để trở lại menu trước đó.

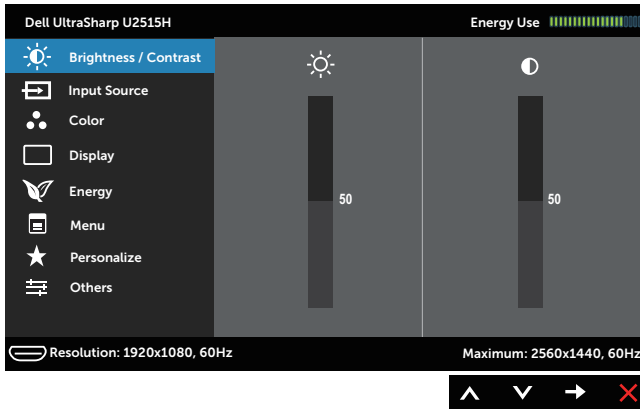
Sử dụng menu Hiển thị trên màn hình (OSD)

Truy cập hệ thống menu

LƯU Ý: Nếu bạn thay đổi thiết đặt này và sau đó đi vào menu khác hoặc thoát khỏi menu OSD, màn hình sẽ tự động lưu các thay đổi đó. Những thay đổi này cũng được lưu nếu bạn thay đổi các thiết đặt và sau đó chờ cho menu OSD biến mất.

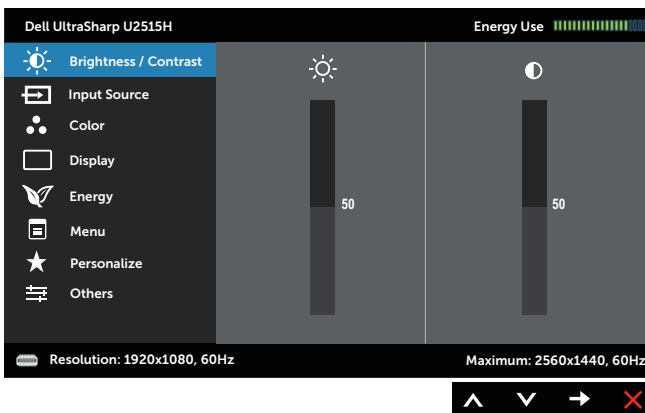
1. Nhấn nút  để khởi chạy menu OSD và hiển thị menu chính.

Menu chính cho đầu vào kỹ thuật số (HDMI (MHL) 1/ HDMI (MHL) 2)



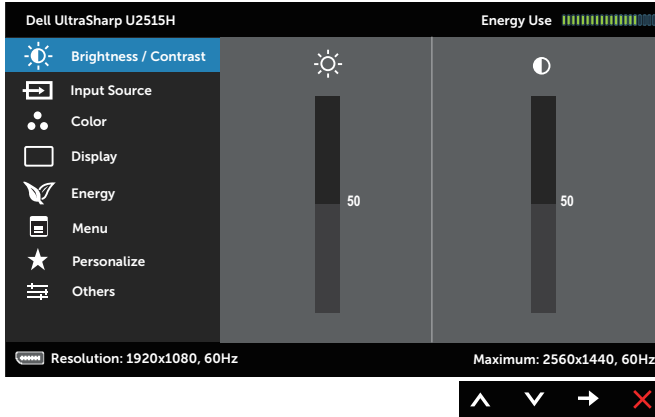
hoặc

Menu chính cho đầu vào kỹ thuật số (mini DisplayPort)



hoặc

Menu chính cho đầu vào kỹ thuật số (DP)



2. Nhấn nút **▲** và **▼** để di chuyển giữa các tùy chọn thiết đặt. Khi bạn di chuyển từ biểu tượng này sang biểu tượng kia, tên tùy chọn sẽ được tô sáng. Xem bảng sau để thấy danh sách hoàn chỉnh của tất cả các tùy chọn sẵn có đối với màn hình này.
3. Nhấn nút **→** một lần để kích hoạt tùy chọn được tô sáng.
4. Nhấn nút **▲** và **▼** để chọn các thông số mong muốn.
5. Nhấn **→** để vào thanh trượt và sau đó sử dụng nút **▲** và **▼**, theo các chỉ báo trên menu, để thực hiện thay đổi.
6. Chọn nút **↶** để quay lại menu chính.

Biểu
tượng

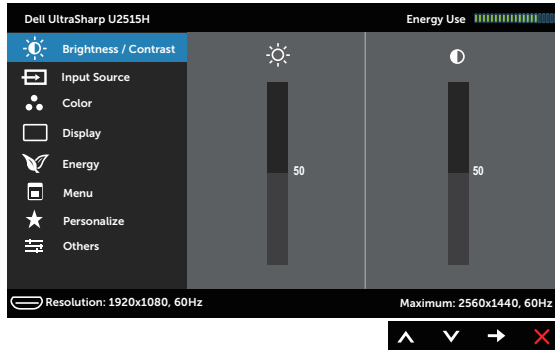
Menu và các
menu con

Mô tả





**Brightness/
Contrast**
(Độ sáng/Độ
tương phản)

Sử dụng menu này để kích hoạt phần điều chỉnh
Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản).



Brightness
(Độ sáng)



Brightness (Độ sáng) điều chỉnh mức sáng của đèn nền.

Nhấn nút  để tăng độ sáng và nhấn nút  để giảm độ sáng (tối thiểu 0 / tối đa 100).

LƯU Ý: Phần điều chỉnh **Brightness (Độ sáng)** theo cách thủ công sẽ bị vô hiệu hoá khi **Dynamic Contrast (Độ tương phản động)** được **On (Bật)**.

Contrast
(Độ tương
phản)

Điều chỉnh **Brightness (Độ sáng)** trước tiên, và sau đó điều chỉnh **Contrast (Độ tương phản)** chỉ khi nào cần điều chỉnh thêm.

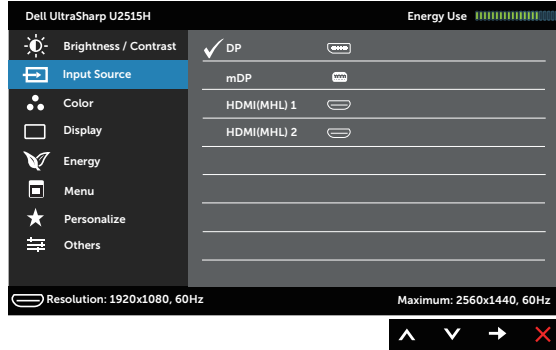
Nhấn nút  để tăng độ tương phản và nhấn nút  để giảm độ tương phản (tối thiểu 0 / tối đa 100).

Chức năng **Contrast (Độ tương phản)** điều chỉnh mức chênh lệch giữa tối và sáng trên màn hình.



Input Source (Nguồn đầu vào)

Sử dụng menu **Input Source (Nguồn đầu vào)** để chọn giữa các tín hiệu video khác nhau có thể được kết nối vào màn hình.



DP

Chọn đầu vào **DP** khi bạn đang sử dụng đầu kết nối DisplayPort (DP). Nhấn để chọn nguồn đầu vào DP.



mDP

Chọn đầu vào **mDP** khi bạn đang sử dụng đầu kết nối DisplayPort (Mini DP). Nhấn để chọn nguồn đầu vào mDP.



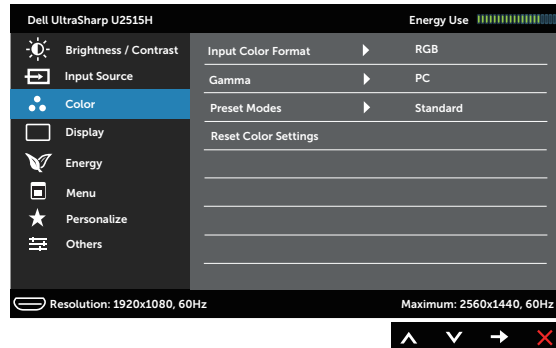
HDMI (MHL) 1 HDMI (MHL) 2

Chọn đầu vào **HDMI (MHL) 1** hoặc **HDMI (MHL) 2** khi bạn đang sử dụng đầu kết nối HDMI. Nhấn để chọn nguồn đầu vào **HDMI (MHL) 1** hoặc **HDMI (MHL) 2**.



Color (Màu sắc)

Sử dụng **Color (Màu sắc)** để điều chỉnh chế độ thiết đặt màu.



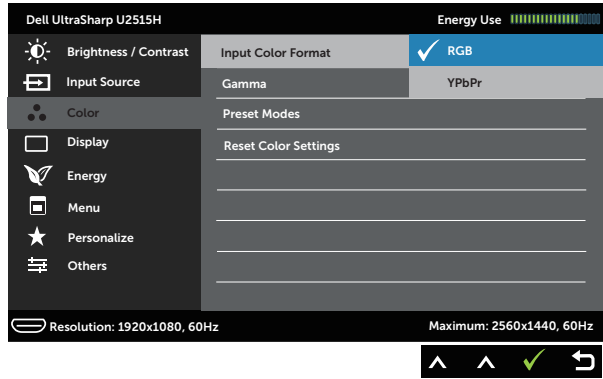
Input Color Format (Định dạng màu sắc đầu vào)

Cho phép bạn thiết đặt chế độ đầu vào video thành:

RGB: Chọn tùy chọn này nếu màn hình của bạn được kết nối với máy tính (hoặc đầu đĩa DVD) bằng cáp HDMI (hay cáp DisplayPort) hoặc thiết bị MHL bằng cáp MHL.

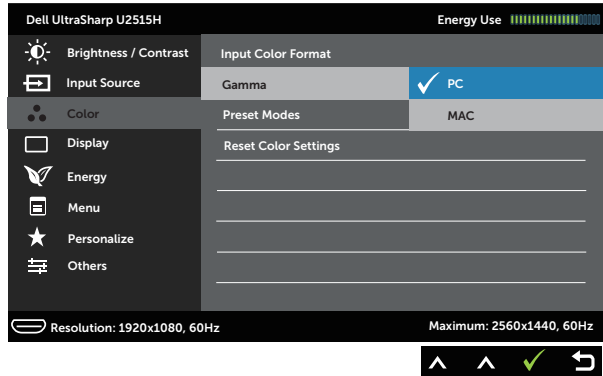
YPbPr: Chọn tùy chọn này nếu màn hình của bạn được kết nối với một đầu đĩa DVD bằng YPbPr dùng cáp HDMI (hay cáp DisplayPort) hoặc thiết bị MHL bằng YPbPr dùng cáp MHL.

Hoặc nếu thiết đặt đầu ra màu sắc của DVD (hay thiết bị MHL) không phải RGB.



Gama

Cho phép bạn thiết đặt **Gamma (Gama)** thành **PC** hoặc **MAC**.

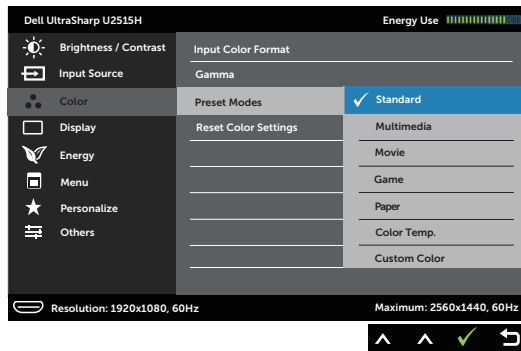


Preset Modes (Chế độ thiết lập sẵn)

Khi bạn chọn **Preset Modes (Chế độ thiết lập sẵn)**, bạn có thể chọn **Standard (Tiêu chuẩn)**, **Multimedia (Đa phương tiện)**, **Movie (Phim ảnh)**, **Game**, **Paper (Trang giấy)**, **Color Temp. (Nhiệt độ màu)** hoặc **Custom Color (Màu tùy chỉnh)** từ danh sách.

- **Standard (Tiêu chuẩn)**: Nạp vào thiết đặt màu mặc định của màn hình. Đây là chế độ thiết lập sẵn mặc định.
- **Multimedia (Đa phương tiện)**: Nạp vào thiết đặt màu lí tưởng cho các ứng dụng đa phương tiện.
- **Movie (Phim ảnh)**: Nạp vào thiết đặt màu lí tưởng cho phim ảnh.
- **Game**: Nạp vào thiết đặt màu lí tưởng cho hầu hết các ứng dụng game.
- **Paper (Trang giấy)**: Nạp vào thiết đặt độ sáng và độ sắc nét lí tưởng cho việc xem văn bản. Hoà trộn nền văn bản để mô phỏng chất liệu trang giấy mà không ảnh hưởng đến ảnh màu. Chỉ áp dụng cho định dạng đầu vào RGB.
- **Color Temp. (Nhiệt độ màu)**: Cho phép người dùng chọn nhiệt độ màu: **5000K**, **5700K**, **6500K**, **7500K**, **9300K** và **10000K**.
- **Custom Color (Màu tùy chỉnh)**: Cho phép bạn điều chỉnh thủ công các thiết đặt màu.

Nhấn nút **▲** và **▼** để điều chỉnh ba giá trị màu (**R**, **G**, **B**) và tạo ra chế độ màu thiết lập sẵn của riêng bạn.



Hue (Sắc độ)

Tính năng này có thể chuyển màu của hình ảnh video sang xanh lục hay tím. Tính năng này được dùng để điều chỉnh màu mong muốn theo tông màu da. Dùng **▲** hoặc **▼** để điều chỉnh sắc độ từ '0' đến '100'.

Nhấn **▲** để tăng sắc xanh lục của hình ảnh video.

Nhấn **▼** để tăng sắc tím của hình ảnh video.

LƯU Ý: Điều chỉnh **Hue (Sắc độ)** chỉ sẵn có khi bạn chọn chế độ thiết lập sẵn **Movie (Phim ảnh)** hoặc **Game**.

Saturation
(Độ bão hoà)

Tính năng này có thể điều chỉnh độ bão hoà màu sắc của hình ảnh video. Dùng **▲** hoặc **▼** để điều chỉnh độ bão hoà từ '0' đến '100'.

Nhấn **▲** để tăng diện mạo đơn sắc của hình ảnh video.

Nhấn **▼** để tăng diện mạo màu sắc của hình ảnh video.

LƯU Ý: Điều chỉnh **Saturation (Độ bão hoà)** chỉ sẵn có khi bạn chọn chế độ thiết lập sẵn **Movie (Phim ảnh)** hoặc **Game**.

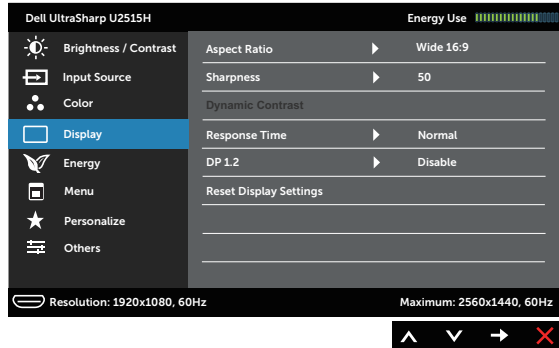
Reset Color Settings (Cài lại thiết đặt màu)

Cài lại thiết đặt màu của màn hình về thiết đặt xuất xưởng.



Display
(Hiện thị)

Dùng **Display (Hiện thị)** để điều chỉnh hình ảnh.



Aspect Ratio
(Tỉ lệ khung hình)

Điều chỉnh tỉ lệ hình ảnh thành **Wide (Rộng) 16:9**, **4:3** hoặc **5:4**.

Sharpness
(Độ sắc nét)

Tính năng này có thể làm cho hình ảnh trông sắc nét hơn hoặc mềm mại hơn. Dùng **▲** hoặc **▼** để điều chỉnh độ sắc nét từ '0' đến '100'.

Response Time
(Thời gian đáp ứng)

Người dùng có thể chọn **Fast (Nhanh)** hoặc **Normal (Bình thường)**.

Dynamic Contrast
(Độ tương phản động)

Cho phép bạn tăng mức tương phản nhằm mang lại chất lượng hình ảnh sắc nét hơn và chi tiết hơn.

Nhấn nút **→** để chọn **Dynamic Contrast (Độ tương phản động)** "On (Bật)" hoặc "Off (Tắt)".

LƯU Ý: **Dynamic Contrast (Độ tương phản động)** mang lại độ tương phản cao hơn nếu bạn chọn chế độ thiết lập sẵn **Game** hoặc **Movie (Phim ảnh)**.

DP 1.2 Nhấn → để bật hoặc tắt **DP 1.2**.

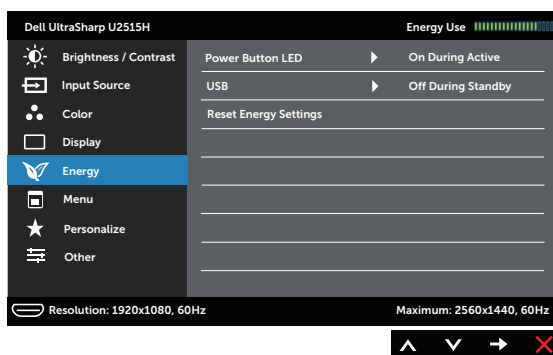
Để dùng tính năng DP MST (Chuỗi xích) hoặc HBR2, hãy bật DP 1.2.

LƯU Ý: Đảm bảo Thẻ đồ họa của bạn có thể hỗ trợ các tính năng này trước khi chọn DP 1.2. Thiết đặt sai có thể dẫn đến màn hình trống. Một số Thẻ đồ họa không hỗ trợ MCCS (Bộ lệnh điều khiển màn hình) tại DP 1.2. Trong các trường hợp này, DDM (Dell Display Manager) không thể chạy.

Reset Display Settings (Cài lại thiết đặt hiển thị) Chọn tùy chọn này để khôi phục thiết đặt hiển thị mặc định.



Energy (Năng lượng)



Power Button LED (LED nút nguồn) Cho phép bạn thiết đặt chỉ báo LED của nguồn **On During Active (Bật trong khi hoạt động)** hoặc **Off During Active (Tắt trong khi hoạt động)** để tiết kiệm năng lượng.

USB Cho phép bạn bật hoặc tắt chức năng USB trong chế độ màn hình tạm nghỉ màn hình.

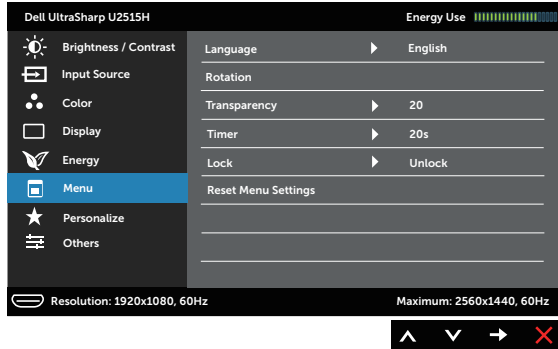
LƯU Ý: Bật/tắt USB) trong chế độ tạm nghỉ chỉ sẵn dùng khi cáp USB tải lên được tháo ra. Tùy chọn này sẽ chuyển sang xám khi cắm cáp USB tải lên.

Reset Energy Settings (Cài lại thiết đặt năng lượng) Chọn tùy chọn này để khôi phục lại **Energy Settings (Thiết đặt năng lượng)** mặc định.



Menu

Chọn tùy chọn này để điều chỉnh các thiết đặt của OSD, chẳng hạn ngôn ngữ của OSD, lượng thời gian hiện menu trên màn hình, v.v.



Language (Ngôn ngữ)

Tùy chọn Language (Ngôn ngữ) thiết đặt hiển thị OSD ở một trong tám ngôn ngữ (Tiếng Anh, Tiếng Tây Ban Nha, Tiếng Pháp, Tiếng Đức, Tiếng Bồ Đào Nha (Brazil), Tiếng Nga, Tiếng Trung giản thể hoặc Tiếng Nhật).

Rotation (Xoay)

Xoay OSD 90 độ ngược chiều kim đồng hồ. Bạn có thể điều chỉnh menu theo [Display Rotation \(Xoay màn hình\)](#) của bạn.

Transparency (Độ trong suốt)

Chọn tùy chọn này để thay đổi độ trong suốt của menu bằng cách nhấn nút và (Tối thiểu: 0 ~ Tối đa: 100).

Timer (Bộ định giờ)

OSD Hold Time (Thời gian duy trì OSD): thiết đặt khoảng thời gian mà OSD vẫn hoạt động sau lần cuối cùng bấm một nút nào đó.

Dùng hoặc để điều chỉnh thanh trượt theo mức tăng giảm 1 giây, từ 5 đến 60 giây.

Lock (Khoá)

Kiểm soát truy cập của người dùng vào những phần điều chỉnh. Khi chọn **Lock (Khoá)**, người dùng sẽ không được phép điều chỉnh. Tất cả các nút đã bị khoá.

LƯU Ý:

Chức năng **Lock (Khoá)** – Khoá mềm (thông qua menu OSD) hay khoá cứng (bấm và giữ nút bên cạnh nút nguồn trong 10 giây)

Chức năng **Unlock (Mở khoá)** – Chỉ có mở khoá cứng (bấm và giữ nút bên cạnh nút nguồn trong 10 giây)

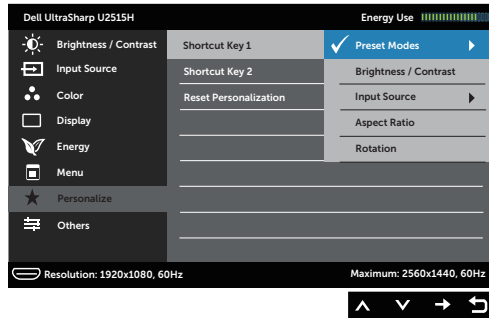
Reset Menu Settings (Cài lại thiết đặt menu)

Cài lại tất cả các thiết đặt OSD về giá trị thiết lập sẵn lúc xuất xưởng.



Personalize (Cá nhân hoá)

Người dùng có thể chọn một tính năng từ **Preset Modes (Chế độ thiết lập sẵn)**, **Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản)**, **Input Source (Nguồn đầu vào)**, **Aspect Ratio (Tỉ lệ khung hình)** hoặc **Rotation (Xoay)** và thiết đặt làm phím tắt.



Shortcut Key 1 (Phím tắt 1)

Người dùng có thể chọn một trong những điều sau: **Preset Modes (Chế độ thiết lập sẵn)**, **Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản)**, **Input Source (Nguồn đầu vào)**, **Aspect Ratio (Tỉ lệ khung hình)** và **Rotation (Xoay)** để đặt làm **Shortcut Key 1 (Phím tắt 1)**.

Shortcut Key 2 (Phím tắt 2)

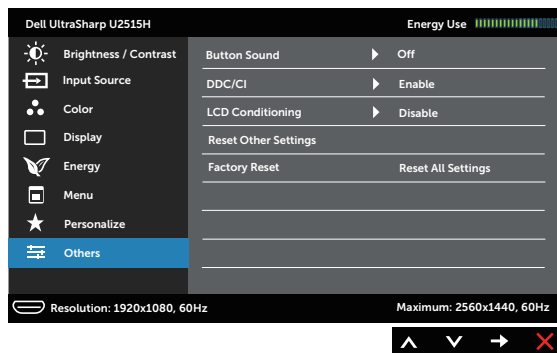
Người dùng có thể chọn một trong những điều sau: **Preset Modes (Chế độ thiết lập sẵn)**, **Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản)**, **Input Source (Nguồn đầu vào)**, **Aspect Ratio (Tỉ lệ khung hình)** và **Rotation (Xoay)** để đặt làm **Shortcut Key 2 (Phím tắt 2)**.

Reset Personalization (Cài lại cá nhân hoá)

Cho phép bạn khôi phục phím tắt đến thiết đặt mặc định.



Others (Khác)



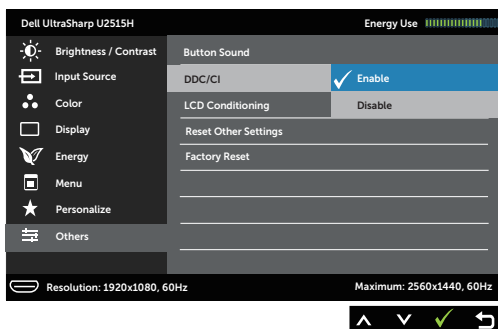
Button Sound (Âm thanh nút)

Màn hình phát tiếng bíp mỗi khi một tùy chọn mới được chọn trong menu. Tính năng này bật hoặc tắt âm thanh.

DDC/CI

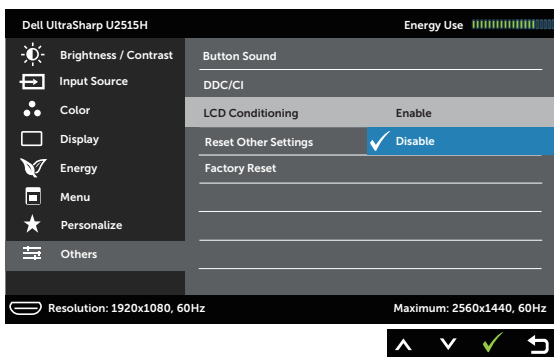
DDC/CI (Kênh dữ liệu hiển thị/Giao diện dòng lệnh) cho phép điều chỉnh các thông số của màn hình (độ sáng, cân bằng màu, v.v.) thông qua phần mềm trên máy tính. Bạn có thể vô hiệu hoá tính năng này bằng cách chọn **Disable (Vô hiệu hoá)**.

Enable (Bật) tính năng này để có được trải nghiệm người dùng tốt nhất và hiệu năng tối ưu cho màn hình.



LCD Conditioning (Điều hoà LCD)

Giúp giảm bớt các trường hợp mắc lỗi lưu ảnh không đáng kể. Tùy thuộc vào mức độ lỗi lưu ảnh, việc chạy chương trình này có thể mất chút thời gian. Bạn có thể bật tính năng này bằng cách chọn **Enable (Bật)**.



Reset Other Settings (Cài lại các thiết đặt khác)

Cài lại tất cả các thiết đặt trong menu **Others (Khác)** về giá trị thiết lập sẵn lúc xuất xưởng.

Factory Reset (Cài lại về thiết đặt xuất xưởng)

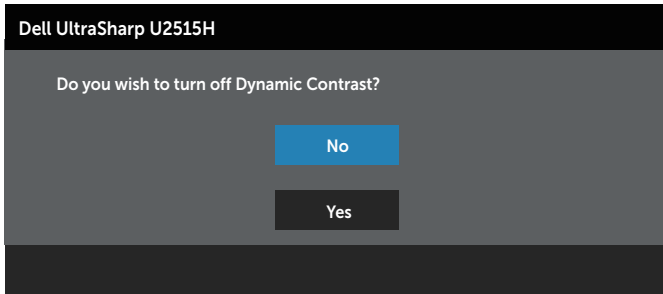
Cài lại tất cả các thiết đặt về giá trị thiết lập sẵn lúc xuất xưởng.



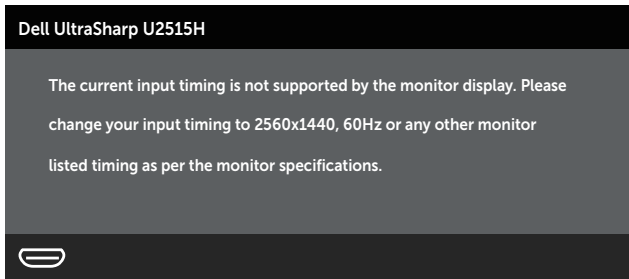
LƯU Ý: Màn hình này có một tính năng tích hợp để tự động định cỡ cho độ sáng nhằm bù đắp cho việc lão hoá đèn LED.

Thông báo cảnh báo của OSD

Khi bật tính năng **Dynamic Contrast (Độ tương phản động)** (trong những chế độ thiết lập sẵn này: **Game** hoặc **Movie (Phim ảnh)**), phần điều chỉnh độ sáng theo cách thủ công sẽ bị vô hiệu hoá.

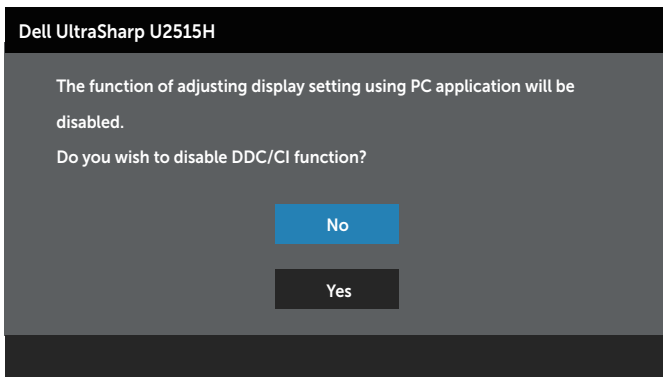


Khi màn hình không hỗ trợ một kiểu độ phân giải đặc biệt nào đó, bạn sẽ thấy thông điệp sau:

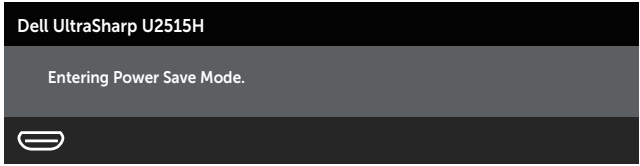


Điều này có nghĩa là màn hình không thể đồng bộ hoá với tín hiệu mà nó đang nhận từ máy tính. Xem [Thông số kỹ thuật màn hình](#) để biết phạm vi tần số Ngang và Dọc được màn hình xử lí. Chế độ đề xuất là 2560 x 1440.

Bạn sẽ thấy thông báo sau đây trước khi vô hiệu hoá chức năng **DDC/CI**:



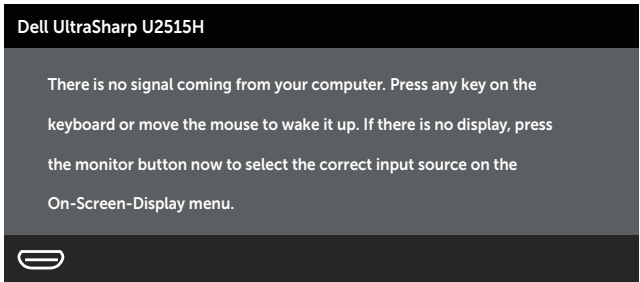
Khi màn hình đi vào chế độ **Power Save Mode (Chế độ tiết kiệm điện năng)**, thông báo sau đây sẽ xuất hiện:



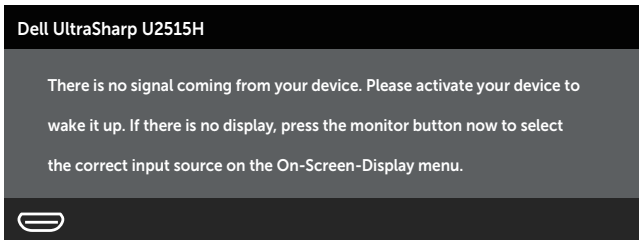
Kích hoạt máy tính và đánh thức màn hình để có thể truy cập **OSD**.

Nếu bạn bấm bất kì nút nào thay vì nút nguồn, một trong những thông báo sau đây sẽ xuất hiện tùy thuộc đầu vào được chọn:

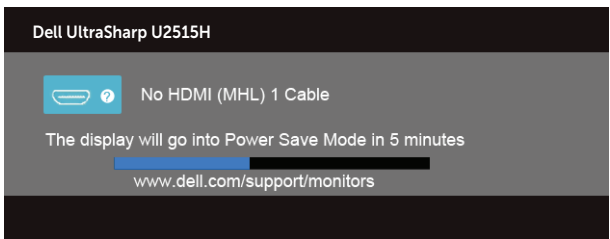
Đầu vào HDMI (MHL)/mDP/DP



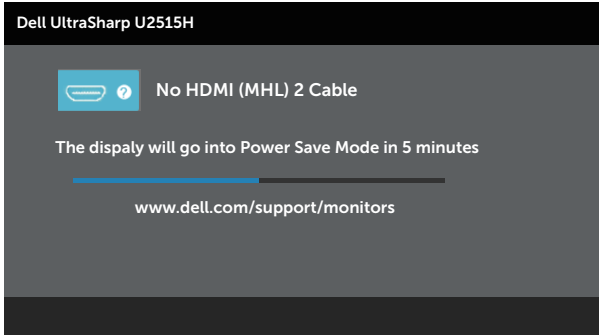
hoặc



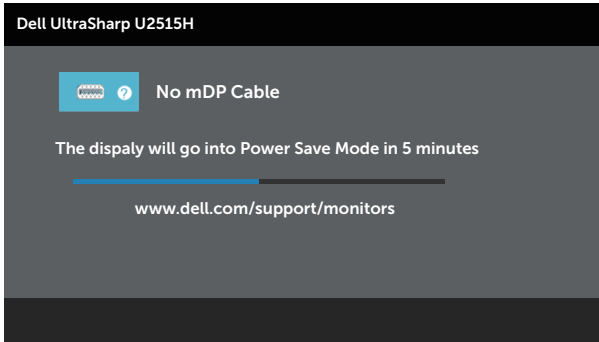
Nếu đầu vào HDMI (MHL), mDP hoặc DP được chọn và cáp tương ứng không được kết nối, một hộp thoại nổi như hình dưới đây xuất hiện.



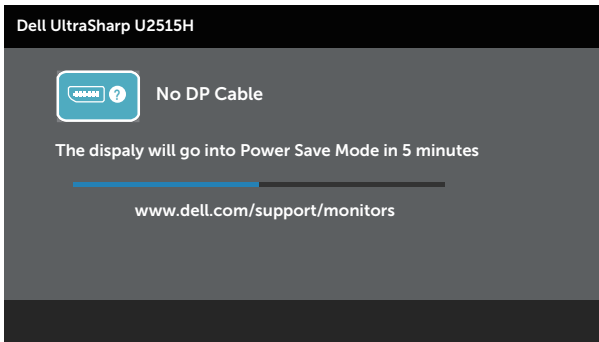
hoặc



hoặc



hoặc



Xem [Khắc phục sự cố](#) để biết thêm thông tin.

Thiết đặt độ phân giải tối đa

Để thiết đặt độ phân giải tối đa cho màn hình:

Trong Windows® 7, Windows® 8, Windows® 8.1:

1. Riêng với Windows® 8 và Windows® 8.1, chọn ô lát Desktop để chuyển sang màn hình nền cổ điển.
2. Nhấn chuột phải vào màn hình nền, nhấn **Screen Resolution (Độ phân giải màn hình)**.
3. Nhấn vào danh sách thả xuống của Screen Resolution (Độ phân giải màn hình) và chọn **2560 x 1440**.
4. Nhấn **OK**.

Trong Windows® 10:

1. Nhấp chuột phải lên màn hình nền và nhập **Display settings (Cài đặt hiển thị)**.
2. Nhập **Advanced display settings (Cài đặt hiển thị nâng cao)**.
3. Nhập danh sách **Resolution (Độ phân giải)** số xuống và chọn **2560 x 1440**.
4. Nhập **Apply (Áp dụng)**.

Nếu không thấy tùy chọn 2560 x 1440, có thể bạn cần phải cập nhật trình điều khiển đồ họa. Tùy vào máy tính của bạn, hãy hoàn tất một trong những thủ tục sau:


Nếu bạn có máy tính để bàn hoặc máy tính di động của Dell:

- Truy cập <http://www.dell.com/support>, nhập thẻ dịch vụ và tải xuống trình điều khiển mới nhất cho thẻ đồ họa của bạn.

Nếu bạn sử dụng máy tính không phải của Dell (di động hoặc để bàn):

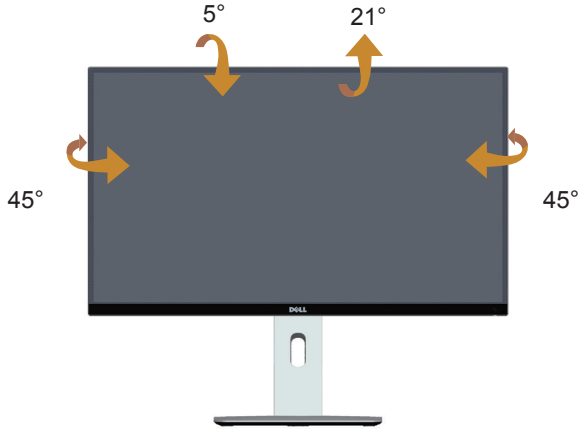
- Hãy ghé trang hỗ trợ dành cho máy tính đó và tải về trình điều khiển đồ họa mới nhất.
- Hãy ghé trang web của thẻ đồ họa trong máy và tải về trình điều khiển đồ họa mới nhất.

Sử dụng chức năng Nghiêng, Quay, Mở rộng theo chiều dọc, Xoay và Thiết lập màn hình đôi

 **LƯU Ý:** Chức năng này thích hợp cho màn hình có giá đỡ. Khi mua bất kì giá đỡ nào khác, vui lòng tham khảo hướng dẫn lắp đặt giá đỡ tương ứng đó để biết các chỉ dẫn lắp đặt.

Nghiêng, xoay

Khi giá đỡ được gắn vào màn hình, bạn có thể nghiêng và xoay màn hình để có góc nhìn thoải mái nhất.



LƯU Ý: Giá đỡ được tháo ra khi màn hình được chuyển đi từ nhà máy.

Mở rộng theo chiều dọc

LƯU Ý: Giá đỡ có thể mở rộng theo chiều dọc tối đa là 115 mm. Hình dưới đây cho biết cách mở rộng giá đỡ theo chiều dọc như thế nào.



Xoay màn hình

Trước khi bạn xoay màn hình, màn hình của bạn phải được kéo dài hết mức theo chiều dọc (**LƯU Ý:** Giá đỡ được tháo ra khi màn hình được chuyển đi từ nhà máy.) và nghiêng hết mức để tránh va chạm với cạnh dưới màn hình.




Xoay theo chiều kim đồng hồ



Xoay ngược chiều kim đồng hồ




Lắp ngược (180°)

 **LƯU Ý:** Để lắp ngược (180°), hãy tháo giá đỡ và dùng bộ treo tường (tùy chọn).



 **LƯU Ý:** Để sử dụng chức năng Display Rotation (Xoay màn hình) (chế độ xem **Landscape (Ngang)** hoặc **Portrait (Dọc)**) với máy tính Dell của bạn, bạn cần trình điều khiển đồ họa cập nhật không được bao gồm trong màn hình này. Để tải xuống trình điều khiển đồ họa, truy cập www.dell.com/support và xem phần Download (Tải xuống) cho Video Drivers (Trình điều khiển video) để tải bản cập nhật trình điều khiển mới nhất.

 **LƯU Ý:** Trong **Portrait View Mode (Chế độ dạng xem dọc)**, bạn có thể gặp tình trạng hiệu năng giảm sút trong các ứng dụng đồ họa chuyên sâu (Trò chơi 3D v.v.).

Thiết lập màn hình đôi

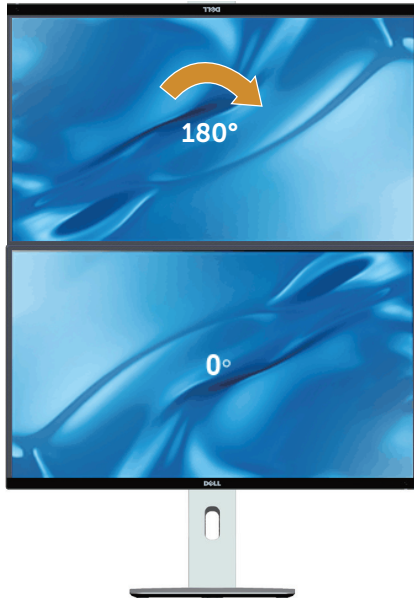
Khả năng xoay 90° theo chiều kim đồng hồ, 90° ngược chiều kim đồng hồ và lắp ngược (180°) cho phép các đường viền nhỏ nhất của từng màn hình được đặt bên cạnh nhau nhằm đảm bảo khoảng trống nhỏ nhất giữa những hình ảnh hiển thị.

Thiết lập màn hình đôi được đề xuất:

Ngang (bên cạnh)



Ngang (Trên-dưới)




Được hỗ trợ bằng bộ treo tường (tùy chọn)

Đọc



Điều chỉnh Rotation Display Settings (Thiết đặt hiển thị xoay) cho hệ thống của bạn

Sau khi bạn đã xoay màn hình, bạn cần hoàn thành thủ tục dưới đây để điều chỉnh Rotation Display Settings (Thiết đặt hiển thị xoay) cho hệ thống của bạn.

 **LƯU Ý:** Nếu bạn đang sử dụng màn hình với máy tính không phải của Dell, bạn cần truy cập trang web trình điều khiển đồ họa hoặc trang web của nhà sản xuất máy tính của bạn để biết thông tin về xoay 'nội dung' trên màn hình của bạn.

Để điều chỉnh Rotation Display Settings (Thiết đặt hiển thị xoay):

1. Nhấn chuột phải vào màn hình nền và nhấn **Properties (Thuộc tính)**.
2. Chọn tab **Settings (Thiết đặt)** và nhấn **Advanced (Nâng cao)**.
3. Nếu bạn có thể đồ họa ATI, chọn tab **Rotation (Xoay)** và đặt cách xoay ưa thích.
4. Nếu bạn có thể đồ họa nVidia, nhấn tab **nVidia**, ở cột bên trái chọn **NVRotate**, rồi chọn cách xoay ưa thích.
5. Nếu bạn có thể đồ họa Intel®, chọn tab đồ họa **Intel**, nhấn **Graphic Properties (Thuộc tính đồ họa)**, chọn tab **Rotation (Xoay)** rồi thiết đặt cách xoay ưa thích.

 **LƯU Ý:** Nếu bạn không thấy tùy chọn xoay hoặc tùy chọn này không hoạt động đúng, hãy truy cập www.dell.com/support và tải xuống trình điều khiển mới nhất cho thẻ đồ họa của bạn.

4

Khắc phục sự cố

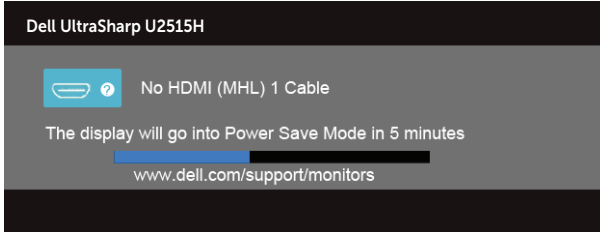
⚠ CẢNH BÁO: Trước khi bắt đầu bất kì quy trình nào trong phần này, hãy làm theo [Hướng dẫn an toàn](#).

Tự kiểm tra

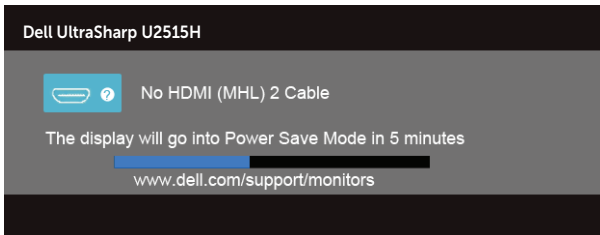
Màn hình của bạn có tính năng tự kiểm tra cho phép bạn kiểm tra xem màn hình của mình có đang hoạt động đúng hay không. Nếu màn hình và máy tính của bạn được kết nối đúng nhưng màn hình vẫn tối, hãy chạy tính năng tự kiểm tra màn hình bằng cách thực hiện các bước sau:

1. Tắt cả máy tính lẫn màn hình.
2. Rút cáp video ra khỏi phần sau máy tính. Để đảm bảo Tự kiểm tra hoạt động đúng, hãy tháo tất cả các cáp Kỹ thuật số và Analog khỏi phần sau máy tính.
3. Bật màn hình.

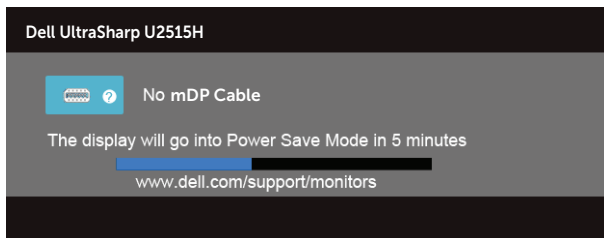
Hộp thoại nổi sẽ xuất hiện trên màn hình (trên nền đen), nếu màn hình không thể bắt được tín hiệu video và đang hoạt động đúng. Khi ở chế độ tự kiểm tra, đèn LED nguồn luôn sáng trắng. Ngoài ra, tùy vào đầu vào đã chọn, một trong các hộp thoại như minh họa dưới đây sẽ liên tục di chuyển qua màn hình.



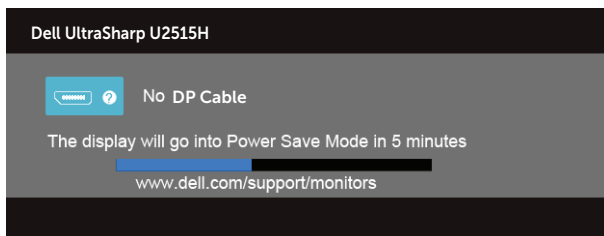
hoặc



hoặc



hoặc




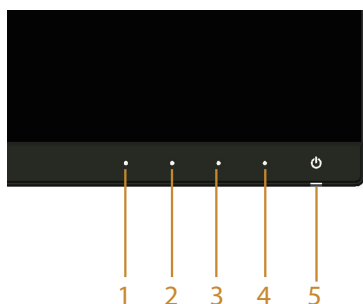
4. Hộp này cũng xuất hiện trong khi hệ thống hoạt động bình thường, nếu cáp video bị ngắt kết nối hoặc bị hỏng.
5. Tắt màn hình của bạn và kết nối lại cáp video; rồi bật cả máy tính lẫn màn hình.

Nếu màn hình của bạn vẫn bị trống sau khi bạn sử dụng thủ tục trước, hãy kiểm tra trình điều khiển video và máy tính của bạn, vì màn hình của bạn đang hoạt động đúng.

Chẩn đoán tích hợp sẵn

Màn hình của bạn có công cụ chẩn đoán tích hợp sẵn giúp bạn xác định xem vấn đề bất thường của màn hình mà bạn đang gặp có phải là vấn đề vốn có của màn hình hay của máy tính và bảng mạch video.

 **LƯU Ý:** Chỉ khi nào cáp video được rút ra và màn hình đang ở *chế độ tự kiểm tra*, bạn mới chạy được chẩn đoán tích hợp sẵn.



Để chạy chẩn đoán tích hợp sẵn:

1. Đảm bảo màn hình sạch (không có bụi trên bề mặt màn hình).
2. Rút cáp video ra khỏi phần sau máy tính hay màn hình. Khi đó màn hình sẽ chế độ tự kiểm tra.
3. Nhấn và giữ đồng thời **Nút 1** và **Nút 4** trên bảng điều khiển mặt trước trong 2 giây. Một màn hình xám xuất hiện.
4. Cẩn thận kiểm tra màn hình xem có điều gì bất thường không.
5. Nhấn **Nút 4** trên bảng điều khiển mặt trước một lần nữa. Màn hình chuyển thành đỏ.
6. Kiểm tra hiển thị xem có vấn đề bất thường không.
7. Lặp lại bước 5 và 6 để kiểm tra hiển thị trong màn hình màu xanh lục, xanh lam, đen, trắng và văn bản.

Kiểm tra hoàn tất khi màn hình văn bản xuất hiện. Để thoát, nhấn **Nút 4** một lần nữa.

Nếu bạn không phát hiện bất kì điều bất thường nào trên màn hình khi sử dụng công cụ chẩn đoán tích hợp sẵn, tức là màn hình đang hoạt động đúng. Kiểm tra thẻ đồ họa và máy tính.

Các vấn đề thông thường

Bảng sau cho biết thông tin chung về các vấn đề thông thường với màn hình mà bạn có thể gặp phải cũng như cho biết các giải pháp khả thi:

Dấu hiệu thường gặp	Vấn đề bạn gặp phải	Giải pháp khả thi
Không có video/ đèn LED nguồn tắt	Không có hình ảnh	<ul style="list-style-type: none">• Đảm bảo cáp video kết nối màn hình và máy tính được kết nối đúng và an toàn.• Xác nhận ổ cắm điện đang hoạt động đúng bằng cách sử dụng thiết bị điện khác.• Đảm bảo nguồn được nhấn hết mức.• Đảm bảo chọn đúng nguồn đầu vào trong menu Input Source (Nguồn đầu vào).
Không có video/ đèn LED nguồn bật	Không có hình ảnh hoặc không có độ sáng	<ul style="list-style-type: none">• Tăng điều khiển độ sáng và độ tương phản thông qua OSD.• Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình.• Kiểm tra xem có chân cắm nào bị cong hoặc bị gãy trong đầu kết nối cáp video.• Chạy chẩn đoán tích hợp sẵn.• Đảm bảo chọn đúng nguồn đầu vào trong menu Input Source (Nguồn đầu vào).

Hình ảnh mờ	Hình ảnh bị mờ, nhoè hoặc có bóng	<ul style="list-style-type: none"> Loại bỏ cáp mờ rộng video. Cài lại màn hình về Factory Settings (Thiết đặt xuất xưởng) (Factory Reset) (Cài lại về thiết đặt xuất xưởng). Thay đổi độ phân giải video theo tỉ lệ khung hình chính xác.
Video bị rung/lắc	Hình ảnh bị gợn sóng hoặc hơi giật	<ul style="list-style-type: none"> Cài lại màn hình về Factory Settings (Thiết đặt xuất xưởng) (Factory Reset) (Cài lại về thiết đặt xuất xưởng). Kiểm tra các yếu tố môi trường. Đời màn hình và kiểm tra ở phòng khác.
Thiếu điểm ảnh	Màn hình LCD có đốm	<ul style="list-style-type: none"> Nguồn Bật-Tắt liên tục. Điểm ảnh bị Tắt vĩnh viễn là một khiếm khuyết tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ LCD. Để biết thêm thông tin về Chất lượng màn hình Dell và Chính sách điểm ảnh, hãy truy cập trang web Hỗ trợ của Dell tại: http://www.dell.com/support/monitors.
Điểm ảnh tê liệt	Màn hình LCD có đốm sáng	<ul style="list-style-type: none"> Nguồn Bật-Tắt liên tục. Pixel bị tắt vĩnh viễn là một khiếm khuyết tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ LCD. Để biết thêm thông tin về Chất lượng màn hình và Chính sách điểm ảnh của Dell, hãy truy cập trang web Hỗ trợ Dell tại: http://www.dell.com/support/monitors.
Các vấn đề về độ sáng	Hình ảnh quá tối hoặc quá sáng	<ul style="list-style-type: none"> Cài lại màn hình về Factory Settings (Thiết đặt xuất xưởng) (Factory Reset) (Cài lại về thiết đặt xuất xưởng). Điều chỉnh các nút điều khiển độ sáng và độ tương phản thông qua OSD.
Biến dạng hình học	Màn hình không được căn giữa đúng	<ul style="list-style-type: none"> Cài lại màn hình về Factory Settings (Thiết đặt xuất xưởng) (Factory Reset) (Cài lại về thiết đặt xuất xưởng). Điều chỉnh các nút điều khiển ngang và dọc thông qua OSD.
Sọc ngang/dọc	Màn hình có một hoặc nhiều sọc	<ul style="list-style-type: none"> Cài lại màn hình về Factory Settings (Thiết đặt xuất xưởng) (Factory Reset) (Cài lại về thiết đặt xuất xưởng). Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình và xác định xem có phải những sọc này cũng có trong chế độ tự kiểm tra không. Kiểm tra xem có chân cắm nào bị cong hoặc bị gãy trong đầu kết nối cáp video. Chạy chẩn đoán tích hợp sẵn.

Các vấn đề đồng bộ hoá	Màn hình hiển thị lộn xộn hoặc có vết bị đứt gãy	<ul style="list-style-type: none"> • Cài lại màn hình về Factory Settings (Thiết đặt xuất xưởng) (Factory Reset) (Cài lại về thiết đặt xuất xưởng). • Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định xem màn hình hỗn độn có xuất hiện trong chế độ tự kiểm tra không. • Kiểm tra xem có chân cắm nào bị cong hoặc bị gãy trong đầu kết nối cáp video. • Khởi động lại máy tính trong <i>safe mode (chế độ an toàn)</i>.
Các vấn đề liên quan đến an toàn	Dấu hiệu khởi hoặc tia lửa có thể nhìn thấy	<ul style="list-style-type: none"> • Không thực hiện bất kì bước khắc phục sự cố nào. • Liên hệ Dell ngay lập tức.
Các vấn đề chậm chờn	Lỗi màn hình bật rồi tắt	<ul style="list-style-type: none"> • Đảm bảo cáp video kết nối màn hình với máy tính được kết nối đúng và chắc chắn. • Cài lại màn hình về Factory Settings (Thiết đặt xuất xưởng) (Factory Reset) (Cài lại về thiết đặt xuất xưởng). • Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định xem vấn đề chậm chờn có xảy ra trong chế độ tự kiểm tra không.
Thiếu màu	Hình ảnh thiếu màu	<ul style="list-style-type: none"> • Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình. • Đảm bảo cáp video kết nối màn hình với máy tính được kết nối đúng và chắc chắn. • Kiểm tra xem có chân cắm nào bị cong hoặc bị gãy trong đầu kết nối cáp video.
Sai màu	Màu hình ảnh không tốt	<ul style="list-style-type: none"> • Thay đổi Color Setting Mode (Chế độ thiết đặt màu sắc) trong OSD Color Settings (Thiết đặt màu sắc) thành Graphics (Đồ hoạ) hoặc Video tùy theo ứng dụng. • Thử các Preset Modes (Chế độ thiết lập sẵn) trong OSD thiết đặt Color (Màu sắc). Điều chỉnh giá trị R/G/B trong Custom Color (Màu tùy chỉnh) trong OSD thiết đặt Color (Màu sắc). • Thay đổi Input Color Format (Định dạng màu sắc đầu vào) thành RGB hoặc YPbPr trong OSD thiết đặt Color (Màu sắc). • Chạy chẩn đoán tích hợp sẵn.
Giữ nguyên hình ảnh từ một hình ảnh tĩnh còn lại trên màn hình trong thời gian dài	Bóng mờ từ hình ảnh tĩnh được hiển thị xuất hiện trên màn hình	<ul style="list-style-type: none"> • Sử dụng tính năng Quản lý nguồn để tắt màn hình bất cứ khi nào không sử dụng (để biết thêm thông tin, xem Chế độ quản lý điện năng). • Nếu không, hãy sử dụng trình bảo vệ màn hình thay đổi linh động.

Chuột không dây không hoạt động hoặc bị chậm	Không phản hồi hoặc phản hồi chậm	<ul style="list-style-type: none"> Tăng khoảng cách giữa các thiết bị ngoại vi USB 3.0 và đầu thu USB không dây. Định vị đầu thu USB không dây của bạn gần chuột không dây, càng gần càng tốt. Dùng cáp bộ mở rộng USB để định vị đầu thu USB không dây cách xa cổng USB 3.0, xa nhất có thể.
Video bị méo hoặc nhòe	Hình ảnh đang chuyển động xuất hiện có các vết bóng tối hoặc cạnh sáng.	<ul style="list-style-type: none"> Thay đổi Response Time (Thời gian đáp ứng) trong OSD Display (Hiện thị) thành Fast (Nhanh) hoặc Normal (Bình thường) tùy vào ứng dụng và việc sử dụng của bạn.

Các vấn đề cụ thể của sản phẩm

Dấu hiệu cụ thể	Vấn đề bạn gặp phải	Giải pháp khả thi
Hình ảnh màn hình quá nhỏ	Hình ảnh được căn giữa trên màn hình, nhưng không lấp hết toàn bộ khu vực xem	<ul style="list-style-type: none"> Kiểm tra thiết đặt Aspect Ratio (Tỉ lệ khung hình) trong OSD thiết đặt Display (Hiện thị). Cài lại màn hình về Factory Settings (Thiết đặt xuất xưởng) (Factory Reset (Cài lại về thiết đặt xuất xưởng)).
Không thể điều chỉnh màn hình với các nút trên bảng điều khiển mặt bên	OSD không xuất hiện trên màn hình	<ul style="list-style-type: none"> Tắt màn hình, rút cáp nguồn màn hình, cắm lại, rồi bật màn hình. Kiểm tra xem menu OSD có bị khoá không. Nếu có, nhấn và giữ nút bên trên nút Nguồn trong 10 giây để mở khoá (để biết thêm thông tin, xem Lock (Khóa)).
Không có Tín hiệu đầu vào khi nhấn nút điều khiển người dùng	Không có hình ảnh, đèn LED sáng trắng	<ul style="list-style-type: none"> Kiểm tra nguồn tín hiệu. Đảm bảo máy tính không ở chế độ tiết kiệm điện bằng cách di chuyển chuột hoặc nhấn phím bất kì trên bàn phím. Kiểm tra xem cáp tín hiệu có được cắm đúng không. Cắm lại cáp tín hiệu nếu cần. Cài lại máy tính hoặc đầu phát video.
Hình ảnh không lấp đầy toàn bộ màn hình	Hình ảnh không thể lấp hết chiều cao hoặc chiều rộng màn hình	<ul style="list-style-type: none"> Do định dạng video (tỉ lệ khung hình) khác nhau của đĩa DVD, màn hình có thể hiển thị toàn màn hình. Chạy chẩn đoán tích hợp sẵn.

Các vấn đề cụ thể về USB (Universal Serial Bus)

Dấu hiệu cụ thể	Vấn đề bạn gặp phải	Giải pháp khả thi
Giao diện USB không hoạt động	Thiết bị ngoại vi USB không hoạt động	<ul style="list-style-type: none">• Kiểm tra xem đã bật màn hình chưa.• Kết nối lại cáp tải lên vào máy tính của bạn.• Kết nối lại các thiết bị ngoại vi USB (đầu kết nối tải xuống).• Tắt rồi bật lại màn hình.• Khởi động lại máy tính.• Một số thiết bị USB như ổ cứng di động bên ngoài yêu cầu dòng điện cao hơn; hãy kết nối thiết bị trực tiếp với hệ thống máy tính.
Giao diện USB tốc độ cao 3.0 chậm	Thiết bị ngoại vi USB tốc độ cao 3.0 hoạt động chậm hoặc hoàn toàn không hoạt động	<ul style="list-style-type: none">• Kiểm tra xem máy tính của bạn có thể sử dụng USB 3.0 không.• Một số máy tính có các cổng USB 3.0, USB 2.0 và USB 1.1. Đảm bảo sử dụng đúng cổng USB.• Kết nối lại cáp tải lên vào máy tính của bạn.• Kết nối lại các thiết bị ngoại vi USB (đầu kết nối tải xuống).• Khởi động lại máy tính.

Các vấn đề cụ thể về Liên kết độ nét cao di động (MHL)

Dấu hiệu cụ thể	Vấn đề bạn gặp phải	Giải pháp khả thi
Giao diện MHL không hoạt động	Không thể nhìn thấy hình ảnh thiết bị MHL trên màn hình	<ul style="list-style-type: none">• Đảm bảo cáp MHL và thiết bị MHL của bạn có chứng nhận MHL.• Kiểm tra xem thiết bị MHL của bạn có Bật chưa.• Đảm bảo thiết bị MHL của bạn không ở chế độ Tạm nghỉ.• Kiểm tra kết nối cáp MHL vật lý tương ứng với nguồn đầu vào đã chọn trên Menu OSD, ví dụ, HDMI (MHL) 1 hoặc HDMI (MHL) 2.• Chờ 30 giây sau khi kết nối cáp MHL do một số thiết bị MHL cần thời gian phục hồi lâu hơn.

5

Phụ lục

CẢNH BÁO: Hướng dẫn an toàn



CẢNH BÁO: Sử dụng các nút điều khiển, điều chỉnh hoặc quy trình không được nêu trong tài liệu này có thể dẫn đến bị điện giật, gặp rủi ro về điện và/hoặc cơ học.

Để biết thông tin về hướng dẫn an toàn, hãy xem *Hướng dẫn thông tin sản phẩm*.

Thông báo FCC (Chỉ ở Hoa Kỳ) và Thông tin pháp quy khác

Để biết thông báo FCC và thông tin pháp quy khác, hãy truy cập trang web tuân thủ quy định tại www.dell.com/regulatory_compliance.

Liên hệ Dell

Đối với những khách hàng ở Hoa Kỳ, gọi 800-WWW-DELL (800-999-3355).



LƯU Ý: Nếu bạn không có kết nối Internet đang hoạt động, bạn có thể tìm thông tin liên hệ trên hóa đơn mua hàng, phiếu đóng gói, hoá đơn hoặc danh mục sản phẩm Dell.

Dell có cung cấp một số hỗ trợ trực tuyến và qua điện thoại. Mức sẵn có thay đổi theo quốc gia và sản phẩm, và một số dịch vụ có thể không có trong khu vực của bạn.

Để xem nội dung hỗ trợ trực tuyến cho Màn hình:

1. Hãy truy cập www.dell.com/support/monitors.

Để liên hệ Dell về việc bán hàng, hỗ trợ kỹ thuật hoặc các vấn đề dịch vụ khách hàng:

1. Hãy truy cập www.dell.com/support.
2. Xác nhận quốc gia hoặc khu vực của bạn trong menu thả xuống **Choose A Country/Region (Chọn một quốc gia/khu vực)** ở cuối trang.
3. Nhấn **Contact Us (Liên hệ với chúng tôi)** ở bên trái trang.
4. Chọn dịch vụ hoặc đường liên kết hỗ trợ phù hợp với nhu cầu của bạn.
5. Chọn cách liên hệ Dell thuận tiện với bạn.

Thiết lập màn hình của bạn

Thiết đặt độ phân giải hiển thị

Để đạt hiệu năng hiển thị tối đa với hệ điều hành Microsoft® Windows®, hãy thiết đặt độ phân giải hiển thị thành **2560 x 1440** điểm ảnh bằng cách thực hiện các bước sau:

Trong Windows® 7, Windows® 8, Windows® 8.1:

1. Riêng với Windows® 8 và Windows® 8.1, chọn ô lát Desktop để chuyển sang màn hình nền cổ điển.
2. Nhấn chuột phải vào màn hình nền, nhấn **Screen Resolution (Độ phân giải màn hình)**.
3. Nhấn vào danh sách thả xuống của Screen Resolution (Độ phân giải màn hình) và chọn **2560 x 1440**.
4. Nhấn **OK**.

Trong Windows® 10:

1. Nhập chuột phải lên màn hình nền và nhập **Display settings (Cài đặt hiển thị)**.
2. Nhập **Advanced display settings (Cài đặt hiển thị nâng cao)**.
3. Nhập danh sách **Resolution (Độ phân giải)** số xuống và chọn **2560 x 1440**.
4. Nhập **Apply (Áp dụng)**.

Nếu bạn không thấy tùy chọn độ phân giải khuyến dùng, bạn có thể cần cập nhật trình điều khiển đồ họa của mình. Vui lòng chọn kịch bản bên dưới mô tả đúng nhất hệ thống máy tính bạn đang sử dụng và làm theo các bước được nêu.

Nếu bạn có máy tính để bàn của Dell™ hoặc máy tính xách tay của Dell™ mà có thể truy cập internet

1. Truy cập www.dell.com/support, nhập thẻ dịch vụ và tải xuống trình điều khiển mới nhất cho thẻ đồ họa của bạn.
2. Sau khi cài đặt trình điều khiển cho thẻ đồ họa của bạn, hãy thử thiết đặt lại độ phân giải thành **2560 x 1440**.



LƯU Ý: Nếu bạn không thể cài đặt độ phân giải thành 2560 x 1440, vui lòng liên hệ Dell™ để hỏi về thẻ đồ họa hỗ trợ các độ phân giải này.

Nếu bạn có máy tính để bàn, máy tính xách tay hoặc thẻ đồ họa không phải của Dell™

Trong Windows® 7, Windows® 8, Windows® 8.1:

1. Riêng với Windows® 8 và Windows® 8.1, chọn ô lát Desktop để chuyển sang màn hình nền cổ điển.
2. Nhấn chuột phải vào màn hình nền và nhấn **Personalization (Cá nhân hóa)**.
3. Nhấn vào **Change Display Settings (Thay đổi thiết đặt hiển thị)**.

4. Nhấn vào **Advanced Settings (Thiết đặt nâng cao)**.
5. Xác định nhà cung cấp trình điều khiển đồ họa của bạn từ mô tả ở trên cùng cửa sổ (ví dụ như NVIDIA, ATI, Intel v.v.).
6. Tham khảo trang web nhà cung cấp thẻ đồ họa để biết trình điều khiển được cập nhật (ví dụ, <http://www.ATI.com> HOẶC <http://www.NVIDIA.com>).
7. Sau khi cài đặt trình điều khiển cho thẻ đồ họa của bạn, hãy thử thiết đặt lại độ phân giải thành **2560 x 1440**.

Trong Windows® 10:

1. Nhấp chuột phải lên màn hình nền và nhấp **Display settings (Cài đặt hiển thị)**.
2. Nhấp **Advanced display settings (Cài đặt hiển thị nâng cao)**.
3. Nhấp **Display adapter properties (Thuộc tính bộ điều hợp hiển thị)**.
4. Xác định nhà cung cấp bộ điều khiển đồ họa của bạn từ phần mô tả ở phía trên cửa sổ (ví dụ: NVIDIA, ATI, Intel, v.v...).
5. Hãy tham khảo trang web nhà cung cấp card đồ họa để cập nhật driver (ví dụ: <http://www.ATI.com> HOẶC <http://www.NVIDIA.com>).
6. Sau khi cài đặt driver cho card đồ họa, thử cài lại độ phân giải sang **2560 x 1440**.



LƯU Ý: Nếu bạn không thể thiết đặt độ phân giải khuyến dùng, vui lòng liên hệ với nhà sản xuất máy tính của bạn hoặc xem xét việc mua thẻ đồ họa hỗ trợ độ phân giải video đó.